

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 85/PPC-TCHC

*V/v Công bố thông tin
Báo cáo thường niên 2025*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 24 tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
2. Mã chứng khoán : PBP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
4. Điện thoại: (84) - 2913 957 555 Fax: (84) - 2913 957 666
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Nhuận
Địa chỉ thường trú: Khóm 21, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84) - 2913 957 555
Fax: (84) - 2913 957 666
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên 2025 Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (đính kèm).
7. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
www.pbp.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Thanh Nhuận

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cà Mau, ngày 25 tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG.....	1
1. Thông tin khái quát về Công ty	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
4. Định hướng phát triển	4
5. Các rủi ro.....	5
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2. Tổ chức và nhân sự.....	8
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	14
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	14
PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	19
1. Báo cáo của Ban Giám đốc.....	19
2. Tình hình tài chính	19
3. Kế hoạch phát triển tương lai.....	21
4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	23
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty ..	23
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2025.....	25
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc	27
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
1. Hội đồng quản trị.....	29
2. Ban kiểm soát.....	35
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành.....	38



PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát về Công ty

Thông tin chung

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam
Tên tiếng Anh	: PETROVIETNAM PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: PPC
Giấy chứng nhận ĐKDN số	: 1900437757 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp lần đầu ngày 11 tháng 06 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 07 năm 2023
Vốn điều lệ	: 47.995.160.000 đồng
Địa chỉ	: Lô A 1-3 Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau
Số điện thoại	: (0291) 395.7555
Số fax	: (0291) 395.7666
Website	: http://pbp.vn
Mã cổ phiếu	: PBP
Sàn chứng khoán	: HNX





Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, có uy tín và vị thế trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bao bì đóng gói và phân bón thông qua chiến lược phát triển bền vững.

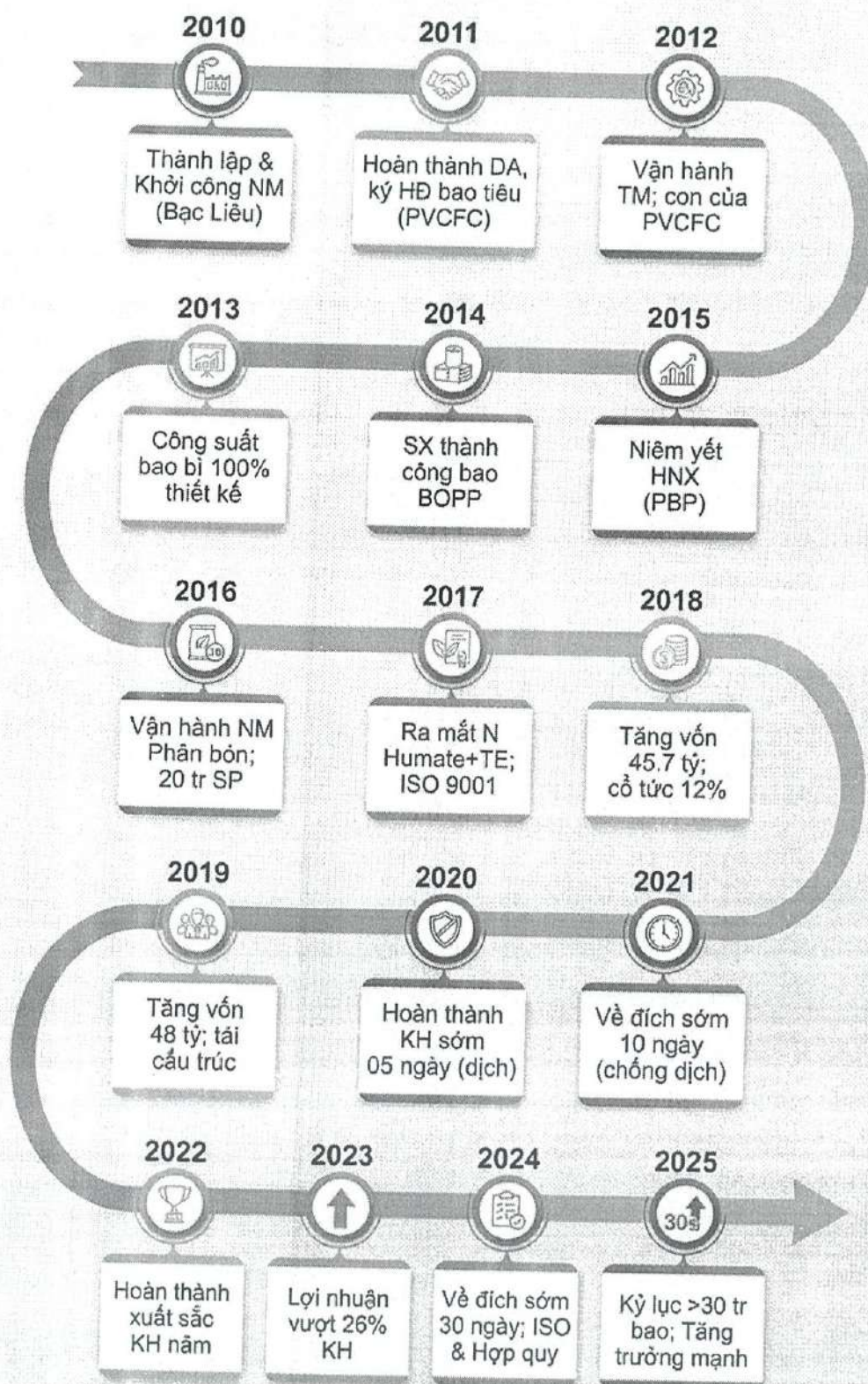
Sứ mệnh

Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao. Đảm bảo lợi ích người lao động, khách hàng và nhà đầu tư.

Giá trị cốt lõi

01. UY TÍN  Xây dựng thương hiệu uy tín, đảm bảo minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	02. TRÁCH NHIỆM  Công ty luôn đặt tâm huyết và trách nhiệm cao nhất trong mỗi sản phẩm để giữ gìn hình ảnh tốt đẹp của thương hiệu cũng như niềm tin của khách hàng.
03. THÂN THIỆN  Tất cả mọi hoạt động của Công ty đều theo hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.	04. SÁNG TẠO  Không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào quản lý, sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng, đa sản phẩm - dịch vụ hóa để đáp ứng nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN CÔNG TY (2010 - 2025)



Cột mốc tăng trưởng kỷ lục năm 2025 đánh dấu bước tiến vượt bậc.

Một số thành tựu đạt được

Trải qua 15 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) không ngừng nỗ lực vươn lên với tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ, người lao động, cùng chiến lược phát triển bền vững và nền tảng công nghệ ngày càng được đầu tư hiện đại. Đến nay, PPC đã từng bước khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bao bì chất lượng cao tại Việt Nam, với các sản phẩm chủ lực như bao PP dệt, bao PP tráng PE và bao BOPP ghép màng.

Trong quá trình hoạt động, PPC đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận:

Năm 2015, Công ty vinh dự nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2016, Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 2019, PPC thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đồng thời chủ động xây dựng và phát triển kênh phân phối kinh doanh phân bón riêng của Công ty.

Năm 2020, Công ty được Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trao Bằng khen ghi nhận những đóng góp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2024, Công ty được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu tặng Giấy khen vì đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự".

Năm 2025, PPC được Công an tỉnh Cà Mau chứng nhận là điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân tham gia phòng cháy chữa cháy.

Những thành quả trên là minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng của tập thể PPC, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

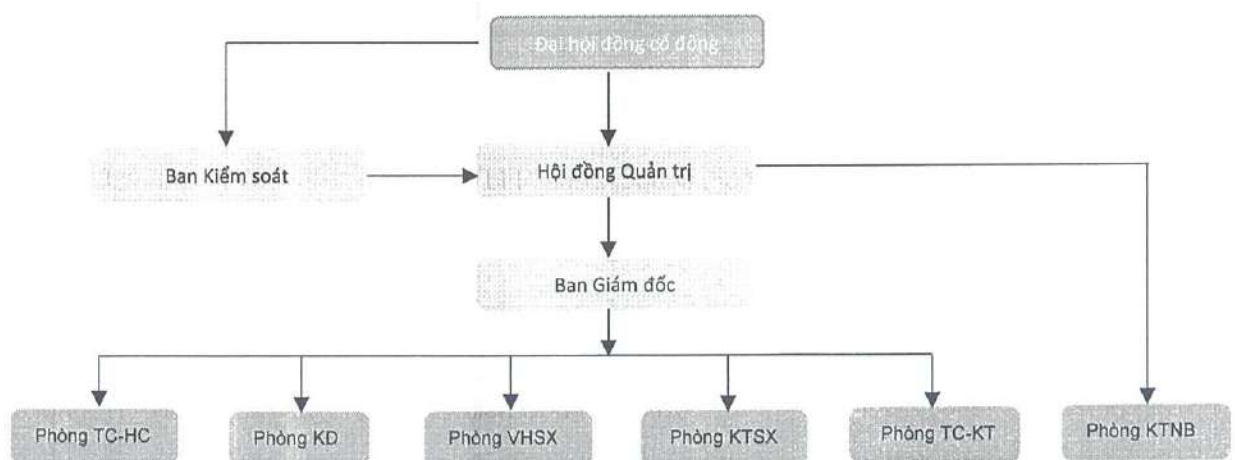
Sản xuất bao bì, kinh doanh chỉ may bao bì PP, PE, Cotton, bán buôn chất dẻo nguyên sinh, bán buôn phân bón, kinh doanh và in ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ cho ngành nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác, quảng cáo, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hành khách đường bộ khác, sản xuất phân bón và hợp chất nitơ

Địa bàn kinh doanh:

PPC hoạt động cung cấp sản phẩm trong nước và ngoài nước. Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính: Cà Mau, TP. HCM, miền Tây Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ.....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Sơ đồ bộ máy Công ty



Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần, Công ty tổ chức theo mô hình:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị (HĐQT): Là Cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

- Ban Kiểm soát (BKS): Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc, trong việc quản lý, điều hành công ty, trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán.

- Ban Giám đốc (BGĐ): Giám đốc là điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.

4. Định hướng phát triển

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) (chiếm 51,03% cổ phần của PPC)

Vốn điều lệ: 5.294.000.000.000 đồng

Địa chỉ : Số 647-649 đường Ngô Quyền, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau

Hoạt động kinh doanh chính của PVCFC là: sản xuất và kinh doanh phân bón

Công ty con, công ty liên kết: Không có.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả, nâng cao năng lực điều hành và tối ưu hóa quy trình vận hành. Đảm bảo vận hành an toàn, ổn định cho Nhà máy sản xuất phân bón và Nhà máy Bao bì, qua đó nâng cao hiệu suất sản xuất kinh doanh. Chủ động thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ nhằm duy trì hoạt động liên tục của máy móc thiết bị, hạn chế tối đa gián đoạn sản xuất.

Đồng thời, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng cả về số lượng và chất lượng sản phẩm, góp phần nâng cao mức độ hài lòng và uy tín thương hiệu. Tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Công ty tiếp tục giữ vững thị phần trong nước, từng bước mở rộng thị trường quốc tế, hướng tới nâng cao vị thế và đưa thương hiệu phát triển bền vững. Song song đó, đẩy mạnh đầu tư công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường. Chú trọng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm phân bón, góp phần tạo giá trị bền vững cho ngành nông nghiệp.

Bên cạnh mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty cũng hướng đến việc gia tăng lợi ích cho người lao động và cổ đông, đảm bảo sự phát triển hài hòa, ổn định và bền vững.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty định hướng trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại khu vực Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, trong đó hoạt động sản xuất bao bì PP chất lượng cao được xác định là lĩnh vực cốt lõi. Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục tập trung phát

triển mảng bao bì, từng bước nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Về mục tiêu tài chính, Công ty phấn đấu đạt doanh thu từ 1.000 tỷ đồng/năm trở lên, lợi nhuận trước thuế tối thiểu 25,7 tỷ đồng/năm, ROE đạt tối thiểu 12% và ROA đạt từ 6% trở lên, qua đó đảm bảo hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời bền vững.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đặt mục tiêu nâng công suất sản xuất bao bì đạt từ 50 triệu bao/năm, trong đó bao bì tái chế chiếm tối thiểu 30% sản lượng. Đối với lĩnh vực phân bón, mục tiêu đạt sản lượng phân bón hữu cơ từ 20.000 tấn/năm. Bên cạnh đó, mảng thương mại dịch vụ sẽ đảm bảo đáp ứng 100% nhu cầu nội bộ, đồng thời mở rộng thị trường bên ngoài với tốc độ tăng trưởng khoảng 10–15%/năm.

Về thị trường, Công ty định hướng đa dạng hóa cơ cấu khách hàng, giảm tỷ trọng doanh thu từ khách hàng nội bộ (PVCFC và các đơn vị thành viên) xuống còn tối đa 60%, đồng thời gia tăng tỷ trọng xuất khẩu đạt tối thiểu 20% tổng doanh thu.

Trong định hướng phát triển bền vững (ESG/EPR), Công ty tập trung phát triển bao bì xanh và bao bì tái chế, phấn đấu đạt tối thiểu 20% tổng sản lượng, phù hợp với xu hướng thị trường và các quy định về bảo vệ môi trường.

Song song đó, Công ty đặt mục tiêu tăng thị phần mảng bao bì từ khách hàng bên ngoài tối thiểu 30%, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm bao bì và phân bón sang thị trường Campuchia. Đối với lĩnh vực phân bón, Công ty tiếp tục đẩy mạnh gia công các sản phẩm phân bón mới cho PVCFC, đồng thời mở rộng hợp tác gia công với các đối tác bên ngoài nhằm khai thác tối đa công suất Nhà máy và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Bảo vệ môi trường:

Công ty áp dụng công nghệ sản xuất phù hợp, kiểm soát chặt chẽ các yếu tố môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

Phát triển bền vững:

PPC từng bước triển khai mô hình sản xuất xanh, tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng và phát triển các sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng xu hướng phát triển bền vững của thị trường.

Người lao động:

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, nâng cao thu nhập và phúc lợi cho người lao động, đồng thời tăng cường đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trách nhiệm cộng đồng:

PPC tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn và các chương trình từ thiện tại địa phương, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững.

5. Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới có thể ảnh hưởng đến sức mua thị trường và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm bao bì, phân bón. Bên cạnh đó, biến động giá năng lượng, chi phí logistics và tình hình xuất khẩu nông sản cũng có thể tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Sự thay đổi của các quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, thuế, môi trường và thương mại quốc tế có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và ảnh hưởng đến kế hoạch mở rộng thị trường của Công ty.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Giá các nguyên liệu đầu vào như PP, PE có thể biến động theo giá dầu thế giới, gây áp lực lên chi phí sản xuất. Đồng thời, biến động tỷ giá ngoại tệ cũng có thể làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu.

Rủi ro khác

Cạnh tranh ngày càng gia tăng từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước có thể tạo áp lực về giá bán và thị phần. Bên cạnh đó, việc thu hút và duy trì nguồn nhân lực có tay nghề cao cũng là yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Những biến động địa chính trị trên thế giới như xung đột, chiến tranh tại một số khu vực, cùng với xu hướng lạm phát toàn cầu có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng, gia tăng chi phí vận chuyển, năng lượng và nguyên vật liệu. Các yếu tố này có thể tác động đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cũng như hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty. Bên cạnh đó, biến động kinh tế vĩ mô và lạm phát kéo dài có thể làm giảm sức mua của thị trường, ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm bao bì và phân bón.

75
TY
AN
UT
AM
BA

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025

Năm 2025, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu duy trì ở mức trung bình, trong khi lạm phát tại nhiều quốc gia vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, các xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng và nguyên vật liệu, cùng với xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại một số nền kinh tế lớn đã tác động đáng kể đến hoạt động thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong nước, nền kinh tế tiếp tục chịu ảnh hưởng từ những biến động bên ngoài, đặc biệt là sự suy giảm nhu cầu tại một số thị trường xuất khẩu, biến động chi phí đầu vào và những khó khăn trong hoạt động thương mại, đầu tư và tài chính. Những yếu tố này đã tạo áp lực nhất định đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bao bì và phân bón.

Trong bối cảnh đó, Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) đã chủ động triển khai nhiều giải pháp quản trị và điều hành nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Công ty tập trung tối ưu hiệu suất vận hành tại các nhà máy, tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Đồng thời, PPC tiếp tục phát huy lợi thế về năng lực sản xuất, kinh nghiệm quản lý và mối quan hệ với khách hàng nhằm thích ứng linh hoạt với biến động của thị trường, hướng đến hoàn thành các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ KH 2025	TH 2025/ TH 2024
Sản lượng sản xuất						
Bao bì	Triệu bao	28,48	27,00	30,88	114,38%	108,44%
Phân bón	Nghìn Tấn	4,34	7,50	4,35	58,00%	100,21%
Sản lượng tiêu thụ						
Bao bì	Triệu bao	28,49	27,00	30,49	112,92%	107,01%
Phân bón	Nghìn Tấn	8,32	10,00	11,39	113,88%	136,88%
Doanh thu	Tỷ đồng	371,84	307,29	422,24	137,41%	113,55%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,47	9,35	10,56	112,90%	100,83%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,14	7,48	8,14	108,84%	100,01%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,5	8,5			

Năm 2025, Nhà máy Bao bì cung cấp bao bì một cách chủ động và đầy đủ, đảm bảo tiến độ, chất lượng cho hoạt động đóng gói sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau cũng như các khách hàng bên ngoài. Trong năm sản xuất đạt 30,88 triệu bao đạt 114,38% KH năm 2025 và đạt 108,44% so với năm 2024, hoàn thành kế hoạch đề ra. Sản xuất phân bón thực hiện 4,35 nghìn tấn đạt 58,00% so với KH năm 2025 và đạt 100,21% so với năm 2024. Trong năm kinh doanh đạt 30,49 triệu bao đạt 112,92% KH năm 2025 và đạt 107,21% so với năm 2024, hoàn thành kế hoạch đề ra. Kinh doanh phân bón thực hiện 11,39 nghìn tấn đạt 113,88% so với KH năm 2025 và đạt 136,88% so với năm 2024.

Doanh thu thực hiện trong năm 2025 đạt 422,24 tỷ đồng đạt 137,41% so với KH năm 2025 và đạt 113,55% so với năm 2024, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 thực hiện đạt 10,56 tỷ đồng cao hơn 12,90% so với KH năm 2025 và cao hơn 0,83% so với năm 2024, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 thực hiện 8,14 tỷ đồng cao hơn 8,84% với KH năm 2025 và cao hơn 0,01% so với năm 2024, hoàn thành kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/01/2019 Tái bổ nhiệm ngày 22/01/2024
2	Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26/5/2025
3	Ông Trần Minh Nhất	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024

Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Ban điều hành

ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN - GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 13/08/1975

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
Từ 06/1997 đến 08/2001	Kỹ sư vận hành Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 08/2001 đến 03/2005	Kỹ sư cơ khí, Phòng kỹ thuật Ban quản lý dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Từ 03/2005 đến 04/2008	Tổ trưởng tổ Cơ khí, Phòng Cơ điện - Tự động hóa Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 04/2008 đến 09/2008	Phó phòng kỹ thuật Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 09/2008 đến 07/2011	Giám đốc Xưởng sửa chữa Cơ khí tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty CP
Từ 07/2011 đến 08/2012	Phó Giám đốc kỹ thuật, Phó Giám đốc phụ trách Công ty CP Bảo dưỡng & Sửa chữa công trình Dầu khí - Chi nhánh miền Nam
Từ 08/2012 đến 05/2013	Phó trưởng Ban Quản lý bảo dưỡng Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 05/2013 đến 02/2016	Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 02/2016 đến 10/2017	Phó Giám đốc Nhà máy Đạm kiêm Trưởng ban Quản lý bảo dưỡng tại Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 10/2017 đến 01/2019	Phó trưởng Ban Kế hoạch đầu tư Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/2018 - 06/2023	Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2023 - nay	
Từ 01/2019 - 01/2024	Giám đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 01/2024 - nay	
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu được ủy quyền đại diện	577.355 cổ phiếu tương ứng 12,03% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN THANH NHUẬN - PHÓ GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 02/03/1981

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện - Điện tử
Quá trình công tác	
Từ 01/2006 - 04/2011	Kỹ sư Điện - Điện tử Công ty TNHH Thủy sản NiGiCo
Từ 04/2011 - 03/2012	Kỹ thuật viên - Trưởng ca sản xuất Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 03/2012 - 06/2012	Tổ trưởng Tổ Bảo trì - Sửa chữa Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2012 - 09/2012	Phó Quản đốc phụ trách kỹ thuật Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 09/2012 - 04/2015	Trợ lý Giám đốc - Kiểm Trưởng Bộ phận QLCL - Bảo dưỡng Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2015 - 10/2015	Phó Phòng TC - HC Kiểm Trưởng Bộ phận Kỹ thuật - Sản xuất Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 10/2015 - 04/2016	Trưởng Phòng Quản trị - Kỹ Thuật Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 04/2016 - 03/2019	Phó Giám Đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 03/2019 - 02/2020	Phó Giám Đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam - Phụ trách Phòng Vận hành sản xuất
Từ 02/2020 - 05/2025	Phó Giám đốc Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2025 - nay	
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG TRẦN MINH NHẤT - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 02/02/1992

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
Quá trình công tác	
Từ 08/2015 - 05/2018	Chuyên viên kế toán Công ty CP du lịch Bạc Liêu
Từ 03/2019 - 10/2020	Chuyên viên Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Bạc Liêu
Từ 07/2021 - 06/2023	Chuyên viên kế toán Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 06/06/2023 - 15/4/2024	Phụ trách kế toán, Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 16/4/2024 - nay	Kế toán trưởng Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Cơ cấu nhân sự (bao gồm HĐQT; Ban Điều hành)

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	236	100,00%
	- Cao đẳng, đại học, trên đại học	58	24,58%
	- Trung cấp chuyên nghiệp	18	7,63%
	- Sơ cấp chuyên nghiệp	7	2,97%
	- Phổ thông và công nhân kỹ thuật	153	64,82%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	236	100,00%
	- Hợp đồng có xác định thời hạn	47	19,92%
	- Hợp đồng không xác định thời hạn	188	79,66%
	- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0,00%
	- Hợp đồng thử việc	1	0,42%
III	Theo độ tuổi	236	100,00%
	- Dưới 30 tuổi	39	16,53%
	- 30-39 tuổi	106	44,92%
	- 40-49 tuổi	75	31,78%
	- 50-55 tuổi	16	6,77%
IV	Theo giới tính	236	100,00%
	- Nam	161	68,22%
	- Nữ	75	32,78%

Chính sách nhân sự

Năm 2025, công tác đoàn thể và phát triển nguồn nhân lực tại PPC được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần quan trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong đó, Đoàn Thanh niên PPC ghi dấu ấn nổi bật khi được khen thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giai đoạn 2022–2025; đồng thời phát huy tinh thần sáng tạo với 33 ý tưởng, sáng kiến cải tiến, góp phần tối ưu quy trình và chi phí. Các hoạt động an sinh xã hội, tình nguyện vì cộng đồng, bảo vệ môi trường và phong trào văn hóa – thể thao được duy trì thường xuyên, tạo môi trường làm việc năng động, gắn kết. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được chú trọng, góp phần nâng cao bản lĩnh và nhận thức cho đoàn viên.

Công đoàn PPC tiếp tục phát huy vai trò chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi người lao động thông qua các hoạt động thiết thực như hỗ trợ NLĐ khó khăn, chăm lo dịp lễ Tết, tổ chức đối thoại, phát động phong trào thi đua lao động sản xuất. Các hoạt động văn hóa – thể thao, xã hội từ thiện được triển khai sôi nổi, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tăng cường sự đoàn kết nội bộ.

Bên cạnh đó, Công ty luôn xác định con người là yếu tố then chốt, chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp từng vị trí; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho người lao động; duy trì các chương trình chăm sóc sức khỏe, phúc lợi và khen thưởng gắn với hiệu quả công việc. Qua đó, góp phần xây dựng đội ngũ CBCNV ngày càng chuyên nghiệp, gắn bó và đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2025, PPC đã triển khai và hoàn thành 03/03 hạng mục đầu tư theo kế hoạch, đạt tỷ lệ 100%, cụ thể như sau:

- Trạm biến áp: Tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng, đã ký kết hợp đồng và hoàn thành trong tháng 10/2025, giá trị quyết toán 1,47 tỷ đồng.

- 06 máy dệt: Tổng mức đầu tư 2,4 tỷ đồng, đã hoàn thành nghiệm thu trong tháng 9/2025, giá trị quyết toán 2,31 tỷ đồng.

- Máy thổi túi: Tổng mức đầu tư 0,93 tỷ đồng, hoàn thành trong tháng 11/2025, giá trị quyết toán 0,66 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2024	TH 2025	TH 2025/ TH 2024
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	152,31	131,90	86,6%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	370,23	420,63	113,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	10,48	10,51	100,3%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-0,01	0,05	815,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,47	10,56	100,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,14	8,14	100,0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	50,12%	50,12%	100,0%

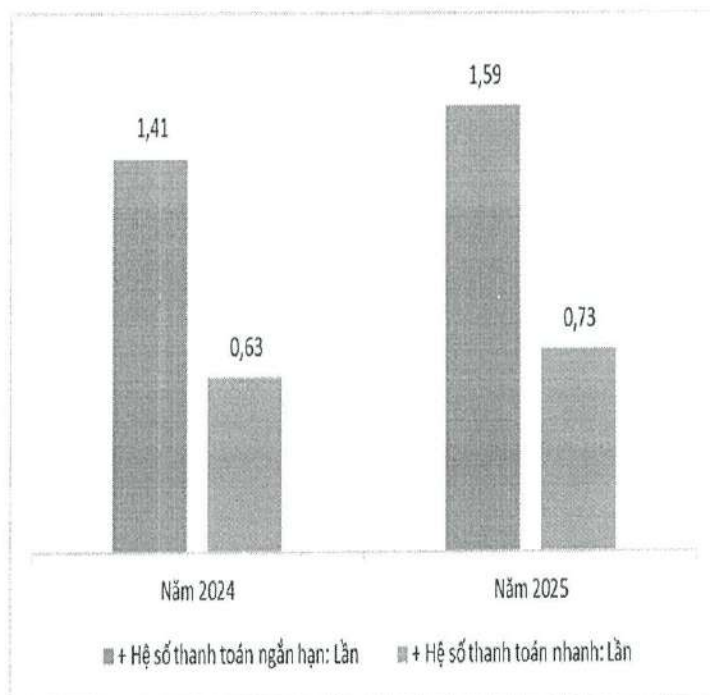
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,41	1,59
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,63	0,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,47
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,22	0,88
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	7,83	7,53
+ Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,67	2,96
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,20%	1,94%
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,99%	11,73%
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,87%	5,73%
+ Tỷ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,83%	2,50%

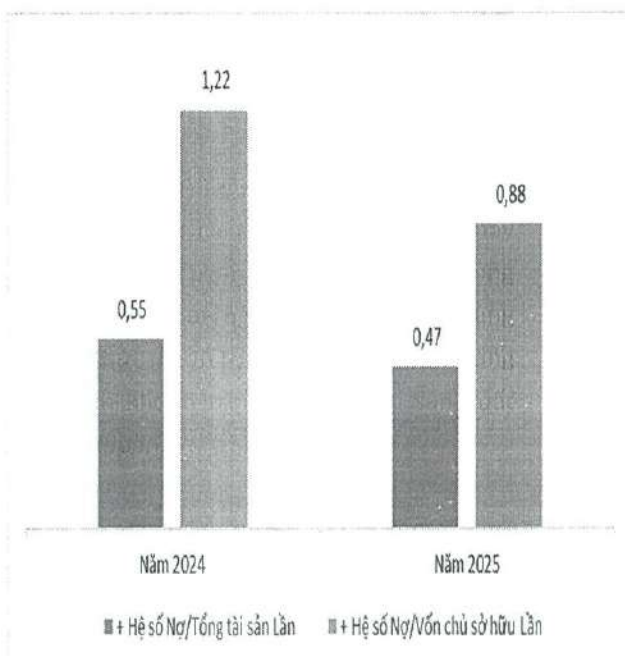
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2025, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của PPC có xu hướng cải thiện so với năm 2024. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,41 lần lên 1,59 lần, cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn của Công ty được củng cố và tài sản ngắn hạn tiếp tục đảm bảo tốt cho các khoản nợ phải trả trong kỳ.

Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,63 lần lên 0,73 lần, phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng các tài sản có tính thanh khoản cao đã được cải thiện. Điều này cho thấy Công ty đã có sự điều chỉnh hợp lý trong quản lý tài sản ngắn hạn, góp phần nâng cao mức độ an toàn tài chính và khả năng thanh khoản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



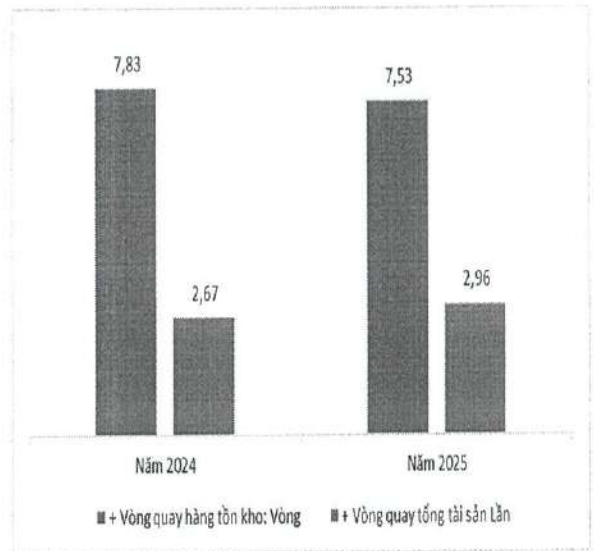
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2025 có xu hướng cải thiện so với năm 2024, thể hiện mức độ tự chủ tài chính được nâng cao. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 0,55 xuống 0,47, và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 1,22 xuống 0,88.

Điều này cho thấy PPC đã từng bước giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay, đồng thời tăng cường sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cơ cấu vốn theo hướng an toàn hơn giúp Công ty giảm áp lực chi phí tài chính và nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động của thị trường.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2025, vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ từ 7,83 vòng xuống 7,53 vòng, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho có phần chậm hơn so với năm trước. Tuy nhiên, mức giảm này không lớn và có thể xuất phát từ việc Công ty chủ động duy trì lượng hàng tồn kho nhằm đảm bảo nguồn nguyên vật liệu và sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

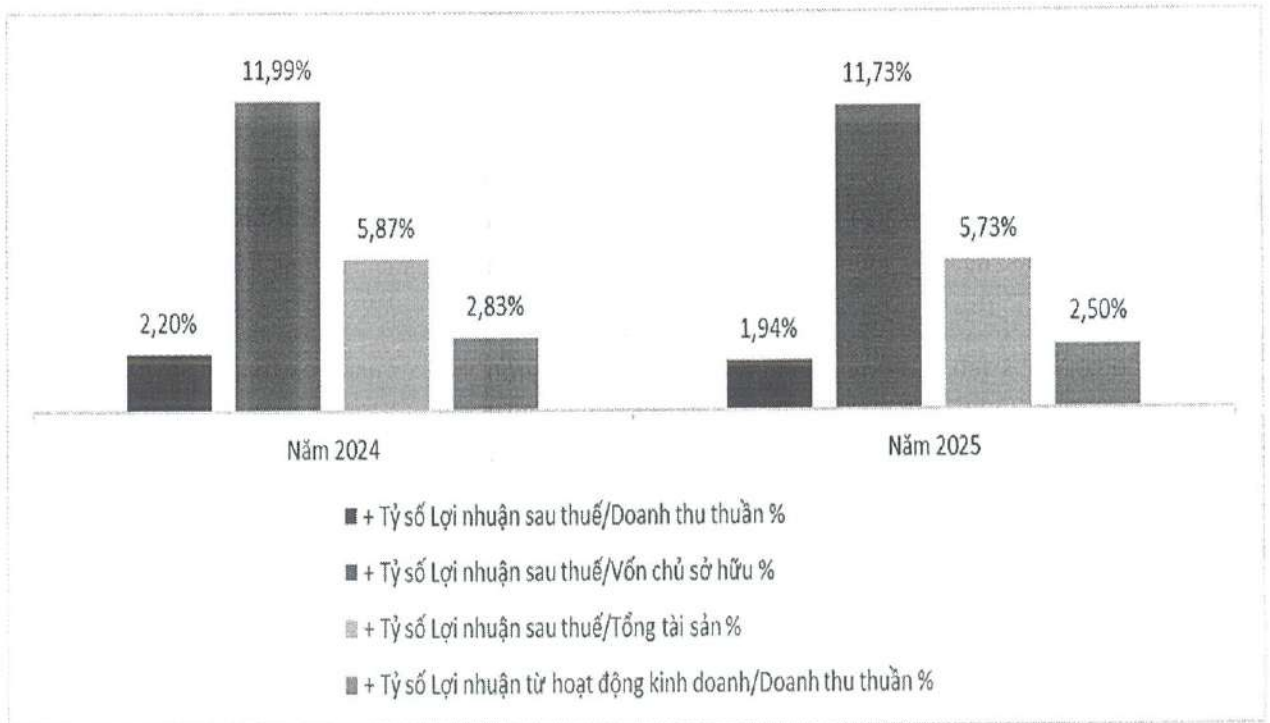
Ngược lại, vòng quay tổng tài sản tăng từ 2,67 lên 2,96 lần, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty được cải thiện. Điều này cho thấy PPC đã khai thác tốt hơn nguồn lực tài sản hiện có để tạo ra doanh thu, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.



Hệ số khả năng sinh lời

Trong năm 2025, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty nhìn chung duy trì ở mức ổn định so với năm 2024. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 1,94%, ROE đạt 11,73% và ROA đạt 5,73%. Các chỉ tiêu này phản ánh khả năng tạo lợi nhuận cũng như hiệu quả sử dụng vốn của Công ty vẫn được duy trì ở mức ổn định.

Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần đạt 2,50%, cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của PPC vẫn giữ được hiệu quả trong bối cảnh chi phí đầu vào và thị trường có nhiều biến động. Kết quả này thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát chi phí, tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hiệu quả vận hành, qua đó đảm bảo khả năng sinh lời và nền tảng tài chính ổn định cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu tại ngày 31/12/2025

- Vốn điều lệ công ty: 47.995.160.000 đồng
- Tổng cổ phiếu phát hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.799.516 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/10/2025

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
		(người)	(cổ phiếu)	
1	Cổ đông trong nước	381	4.770.911	99,40%
-	Tổ chức	1	2.449.167	51,03%
-	Cá nhân	380	2.321.744	48,37%
2	Cổ đông nước ngoài	12	28.605	0,60%
-	Tổ chức	3	3.005	0,06%
-	Cá nhân	9	25.600	0,53%
Tổng cộng		393	4.799.516	100,00%

Tình hình thay đổi vốn điều lệ

Trong năm 2025, PPC không thay đổi vốn điều lệ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

PPC thực hiện sản xuất kinh doanh gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn và an sinh xã hội. Luôn thực thi các quy định về môi trường, đảm bảo an toàn PCCC và an toàn lao động tại Nhà máy. Năm 2025, Công ty thực hiện các hoạt động an sinh phối hợp với cùng chính quyền địa phương; tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương (hơn 90% người lao động PPC là người địa phương). Chúng tôi luôn đặt ra mục tiêu cải thiện quy trình sản xuất, tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng, giảm thiểu chất thải và phát thải ra môi trường.

Tác động lên môi trường:

(Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp; Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính)

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp: 374,96 tấn CO₂td

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp: 3.520,09 tấn CO₂td

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty đã triển khai lộ trình chuyển đổi phương tiện theo hướng thân thiện môi trường, cụ thể đã thay thế 2/3 số xe nâng dầu bằng xe nâng điện, góp phần giảm phát thải khí nhà kính.

Đồng thời, Công ty ưu tiên đầu tư, thay thế và sử dụng các thiết bị điện có hiệu suất năng lượng cao, tiết kiệm điện năng, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất Bao bì của Công ty, lượng phế phẩm được tái chế sử dụng lại hơn 40%. Với ngành nghề sản xuất bao bì thì việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế góp phần tiết kiệm chi phí đáng kể của Công ty. Để hạn chế lượng phế phẩm mức tối thiểu, Ban lãnh đạo Công ty luôn luôn khuyến khích CBCNV tăng cường sáng tạo cải tiến trong sản xuất, giảm thiểu tối đa lượng phế phẩm trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

- Sản xuất phân bón:

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
Axit Humic	kg	680.919
SA	kg	262.014
Phân Ure	kg	2.651.584
Kali Clorua (KCL)	kg	450
Phụ gia	kg	953.431
Chất bọc áo	kg	8.800
Chỉ may PE C900(PB Humate)	kg	191,40
Dầu DO (PB Humate)	l	91.109
Dây rút (PB Humate)	Bọc	697
Bã đậu nành	kg	2.363
Trấu nghiền	kg	19.900

- Sản xuất bao bì:

Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng
Hạt nhựa PP	kg	3.564.595
Hạt nhựa PE	kg	1.592.960
Hạt màu	kg	8.759
Phụ gia	kg	155.895
Dung môi	kg	39.330
Mực in	kg	21.969
Nhiên liệu phụ (dầu máy)	l	5.400
Vải manh PP	kg	493.313
Chỉ may	kg	36.105
Cuộn PE	kg	310.155
Taical	kg	267.731
Chất tẩy trắng	kg	171
Màng mờ	m2	13.420.013,80
Dây Nilon cột bao	kg	2.681
Tấm Carton	cái	8.615
Dầu máy nén khí Hitachi (dùng chung)	lít	20
Mỡ bò	kg	107
Dầu thủy lực	lít	140
Dầu máy các loại	lít	180
Xăng thơm (dùng chung)	l	40

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

- Sản xuất bao bì: lượng nhựa được tái chế được sử dụng để sản xuất chiếm 43,7% (sản lượng tái chế 113.778 kg, sử dụng 49.768 kg).

Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Định mức điện: đối với Nhà máy Bao bì định mức tiêu hao điện năng là 0,99 kWh/kg sản phẩm; đối với Nhà máy Phân bón định mức tiêu hao điện năng là 65 kWh/tấn. Giá điện: 1.952 đồng/Kwh.

Định mức dầu DO cho Nhà máy Phân bón: 18 lít/tấn (đối với dòng phân bón N.Humate +Te).

- Điện: Nhà máy bao bì 4.943.649 kWh, Nhà máy phân bón 396.293 kWh

- Dầu DO (Diesel oil): 91.109 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Lượng tiêu thụ năng lượng chủ yếu của Công ty là năng lượng điện và dầu DO. Là một doanh nghiệp sản xuất thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất lớn. Do đó, Công ty luôn đưa ra các biện pháp tiết kiệm năng lượng tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy.

Ngoài ra, Công ty cũng đưa ra các hành động thiết thực như hưởng ứng giờ trái đất, thực hiện hành động tắt điện khi không sử dụng, tổ chức tập huấn hướng dẫn công nhân viên những kiến thức về nguyên lý hoạt động, công nghệ vận hành, giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm,... Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này. *Không có*

Tiêu thụ nước

Đối với các nhà máy sản xuất nói chung việc sử dụng nước là bắt buộc. PPC sử dụng 100% nước từ nguồn nước cấp. Công ty không phát sinh nước thải sản xuất. Nước sử dụng trong sản xuất được tuần hoàn tái sử dụng và hao hụt một lượng do bốc hơi. Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý bằng hầm tự hoại (nước thải từ nhà vệ sinh), hoặc xử lý sơ bộ (nước thải Nhà ăn, nước rửa tay) và chảy vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp.

Lượng nước sử dụng: Nhà máy bao bì 10.172 m³, Nhà máy phân bón 6.267 m³.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Có tái chế, tái sử dụng nước ở khâu sợi, tráng của NMBB (tháp giải nhiệt), hệ thống xử lý bụi của NMPB (hệ thống dập bụi) nhưng không đo lường được.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2025, Công ty đã được đánh giá tái chứng nhận ISO 14001:2015 và trong quá trình hoạt động Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm về chất thải và khí thải. PPC cam kết tuân thủ theo các quy định do Bộ tài nguyên Môi trường ban hành về tài nguyên nước, ứng phó sự cố và các quy chuẩn kỹ thuật liên quan trong ngành.

Ngoài ra, Công ty ban hành Chính sách chất lượng, an toàn, môi trường; ban hành các quy định sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng, môi trường sống,... của người lao động.

Trong năm 2025, PPC luôn kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải và không để xảy ra bất cứ sự cố môi trường nào nghiêm trọng.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

Chính sách liên quan đến người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (bao gồm BĐH)	Người	220	231
Thu nhập bình quân	triệu đồng /tháng/người	11,59	12,43

PPC luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, đảm bảo sức khỏe và phúc lợi cho người lao động. Công ty tuân thủ quy định về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi; thực hiện đầy đủ các chế độ đối với lao động nữ, đặc biệt là chế độ thai sản. Đồng thời, đời sống tinh thần của CBCNV được quan tâm thông qua các hoạt động như sinh nhật, lễ, Tết.

Về đào tạo, Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt, do đó đã triển khai các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề. Chính sách đào tạo được xây dựng theo từng vị trí công việc, tạo điều kiện cho người lao động phát triển và thăng tiến.

Chính sách tiền lương, thưởng được xây dựng trên cơ sở năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo tính cạnh tranh. Công ty thực hiện trả lương theo chức danh, xét nâng lương định kỳ, đồng thời khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích, sáng kiến cải tiến. Trong năm 2025, các chế độ lương, thưởng như lương tháng 13 và thưởng các dịp lễ, Tết được thực hiện đầy đủ.

Về phúc lợi, toàn thể CBCNV được tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định; đồng thời được hưởng thêm các chương trình bảo hiểm bổ sung như bảo hiểm sức khỏe, tai nạn và hưu trí. Các chế độ phụ cấp được chi trả kịp thời. Công ty cũng tổ chức khám sức khỏe định kỳ, du lịch, nghỉ mát hàng năm và thực hiện tốt công tác chăm lo, hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn.

Trách nhiệm đối với cộng đồng

Phát triển bền vững của PPC không chỉ được xây dựng từ nội lực doanh nghiệp mà còn gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Các hoạt động thiện nguyện được triển khai một cách thiết thực, không chỉ góp phần lan tỏa hình ảnh doanh nghiệp mà còn thể hiện rõ định hướng nhất quán của Ban lãnh đạo trong việc đồng hành cùng sự ổn định và phát triển chung của xã hội.

Bên cạnh đó, Công ty luôn ưu tiên tạo việc làm cho lao động địa phương, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân trên địa bàn.

PPC cũng duy trì hiệu quả các chính sách hỗ trợ thường xuyên và đột xuất, hướng đến các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn như trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và hộ nghèo, thông qua nhiều hình thức linh hoạt như hỗ trợ tài chính, cung cấp nhu yếu phẩm và các dịch vụ thiết yếu, qua đó lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần sẻ chia trong cộng đồng.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Trong năm 2025, Công ty chưa phát sinh hoạt động huy động vốn xanh theo các tiêu chí quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Tuy nhiên, Công ty nhận thức rõ vai trò của thị trường vốn xanh trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và đã từng bước nghiên cứu, tiếp cận các quy định, tiêu chuẩn liên quan đến tài chính xanh, trái phiếu xanh và các công cụ huy động vốn bền vững.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục lồng ghép các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong công tác bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và nâng cao trách nhiệm xã hội. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty từng bước đáp ứng các điều kiện tham gia thị trường vốn xanh trong tương lai.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi, cập nhật các hướng dẫn của UBCKNN và cơ quan quản lý liên quan, đồng thời nghiên cứu khả năng triển khai các công cụ tài chính xanh phù hợp với chiến lược phát triển bền vững.

15/5/2025
Y
N
KH
M
AC

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo của Ban Giám đốc

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu tác động từ nhiều yếu tố của bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước. Kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn do ảnh hưởng của lạm phát và các yếu tố địa chính trị, làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu tại một số thị trường. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu có xu hướng biến động do ảnh hưởng của chuỗi cung ứng và chính sách thương mại quốc tế, tạo áp lực lên chi phí sản xuất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong khi đó, mức độ cạnh tranh trong ngành bao bì ngày càng gia tăng cả về giá bán và chất lượng sản phẩm, đòi hỏi Công ty phải không ngừng cải tiến công nghệ, tối ưu chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm để duy trì thị phần. Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao năng lực sản xuất, Công ty cần tiếp tục đầu tư vào máy móc, dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện đại, điều này làm gia tăng nhu cầu vốn đầu tư và chi phí trong ngắn hạn. Ngoài ra, một số hạng mục cơ sở hạ tầng và thiết bị chưa được đầu tư đồng bộ cũng phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả và năng suất sản xuất.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn, Công ty cũng có nhiều điều kiện thuận lợi để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Kinh tế vĩ mô trong nước dần phục hồi, nhu cầu hàng hóa trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp có xu hướng tăng, tạo động lực cho thị trường bao bì và phân bón. Xu hướng tiêu dùng xanh và yêu cầu phát triển bền vững ngày càng được chú trọng, mở ra cơ hội cho các sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường và các dòng sản phẩm chất lượng cao. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước như điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt và các chính sách giảm thuế đã góp phần giảm bớt áp lực chi phí cho doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và phối hợp từ Công ty mẹ PVCFC trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tạo nền tảng thuận lợi để PPC ổn định hoạt động và từng bước mở rộng thị trường.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

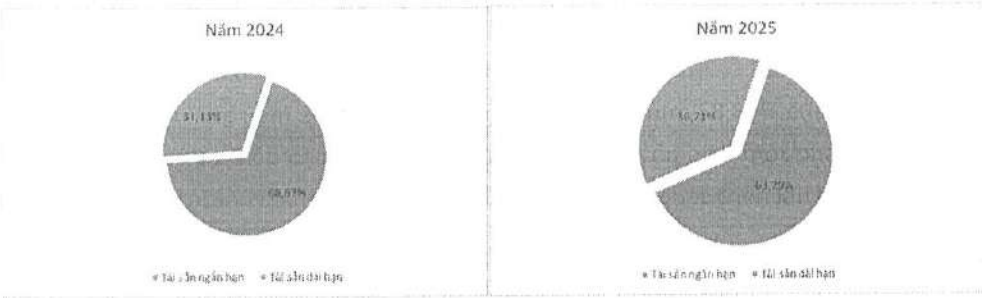
Cơ cấu tổng tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2024	31/12/2025
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	104,90	83,48
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	3,12	35,25
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	7,66	2,06
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	58,17	45,43
Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	0,95	0,74
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	47,41	48,42
Tổng tài sản	Tỷ đồng	152,31	131,90

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong năm 2025 đạt 63,29%, giảm so với mức 68,87% của năm 2024. Sự thay đổi này cho thấy Công ty đã có sự điều chỉnh trong cơ cấu tài sản, chuyển dịch một phần nguồn lực từ tài sản ngắn hạn sang đầu tư cho tài sản dài hạn nhằm phục vụ định hướng phát triển lâu dài.

Ngược lại, tỷ trọng tài sản dài hạn tăng từ 31,13% năm 2024 lên 36,71% năm 2025, phản ánh việc Công ty tăng cường đầu tư vào tài sản cố định, máy móc thiết bị và các hạng mục phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc gia tăng tài sản dài hạn thể hiện định hướng đầu tư nhằm nâng cao năng lực sản xuất, từng bước hiện đại hóa dây chuyền và cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Nhìn chung, sự thay đổi trong cơ cấu tài sản cho thấy PPC đang từng bước tái cơ cấu nguồn lực theo hướng tăng cường đầu tư cho hoạt động sản xuất và phát triển bền vững, đồng thời vẫn duy trì nền tảng tài chính ổn định để đáp ứng các nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp.



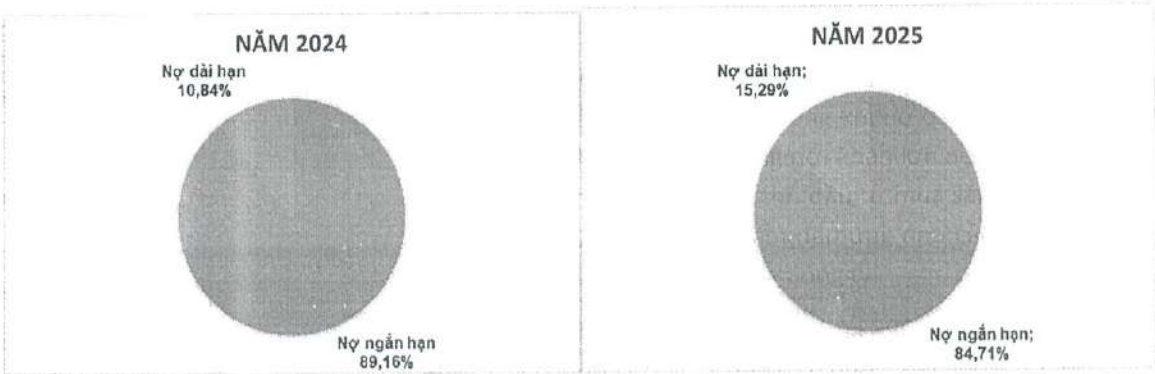
Tình hình nợ phải trả

Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2024	31/12/2025
Nợ phải trả	Tỷ đồng	83,57	61,88
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	74,51	52,42
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	9,06	9,46
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	68,74	70,02
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	152,31	131,90

Nợ phải trả của PPC chủ yếu vẫn là nợ ngắn hạn. Tại thời điểm 31/12/2025, nợ ngắn hạn đạt 52,42 tỷ đồng, chiếm khoảng 84,7% tổng nợ phải trả, trong khi nợ dài hạn đạt 9,46 tỷ đồng, chiếm khoảng 15,3% tổng nợ. Phần lớn nợ dài hạn là các khoản vay ngân hàng phục vụ cho đầu tư mua sắm, xây dựng và nâng cấp tài sản cố định, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.

Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của PPC tăng nhẹ từ 68,74 tỷ đồng lên 70,02 tỷ đồng, tương ứng mức tăng khoảng 1,86%, cho thấy Công ty vẫn duy trì khả năng tích lũy vốn và củng cố nền tảng tài chính. Mặc dù mức tăng không lớn, nhưng điều này phản ánh PPC vẫn giữ được sự ổn định về nguồn vốn chủ sở hữu trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều biến động.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục kế thừa và phát huy hiệu quả các điều chỉnh về cơ cấu tổ chức và công tác quản trị đã triển khai trong năm 2024. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các Phòng/đơn vị được duy trì ổn định, đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; sự phối hợp giữa các đơn vị được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chung.

Công ty tiếp tục củng cố công tác quản lý tại Nhà máy sản xuất bao bì – Phòng VHSX trên cơ sở cơ cấu quản lý đã được kiện toàn, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức và điều hành sản xuất. Phòng Kiểm toán nội bộ tiếp tục triển khai các hoạt động kiểm toán theo kế hoạch, qua đó tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ và hỗ trợ Ban lãnh đạo trong việc nâng cao hiệu quả quản trị.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục rà soát, cập nhật và hoàn thiện các quy chế, quy trình quản lý nội bộ nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động thực tế và quy định pháp luật hiện hành. Công tác quản trị doanh nghiệp được thực hiện theo Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định của Luật Doanh nghiệp, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định áp dụng đối với công ty niêm yết.

Công ty cũng thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, đảm bảo thực hiện đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ báo cáo và công khai thông tin theo quy định, góp phần nâng cao tính minh bạch và củng cố niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan.

3. Kế hoạch phát triển tương lai

Tổ chức vận hành an toàn, ổn định Nhà máy Sản xuất Bao bì đạt 100% công suất thiết kế. Vận hành Nhà máy Phân bón đạt sản lượng tối thiểu 6.000 tấn/năm.

Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ cho Nhà máy Bao bì và Nhà máy Phân bón đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục, ổn định và hiệu quả.

Triển khai số hóa dữ liệu vận hành, sản xuất, kinh doanh và công tác quản trị nội bộ.

Xây dựng kế hoạch và triển khai chương trình ESG (Environmental - Social - Governance) tại doanh nghiệp.

Tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật và quy định nội bộ về phòng cháy, chữa cháy.

Duy trì hệ thống an toàn, vệ sinh lao động đạt chuẩn ISO hoặc tương đương.

Kiện toàn bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả và chuyên nghiệp.

Triển khai thực hiện tốt chương trình phòng chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tiếp tục xây dựng và phát triển chương trình văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động, nâng cao hình ảnh và thương hiệu PPC trong hệ sinh thái PVCFC.

Ngoài ra PPC thực hiện những nhiệm vụ mới theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể năm 2026

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>ĐVT</u>	<u>KH 2026</u>
<u>Sản lượng sản xuất</u>		
<u>Bao bì</u>	<u>Triệu bao</u>	31,50
<u>Phân bón</u>	<u>Nghìn tấn</u>	6,00
<u>Sản lượng tiêu thụ</u>		
<u>Bao bì</u>	<u>Triệu bao</u>	31,50
<u>Phân bón</u>	<u>Nghìn tấn</u>	12,00
<u>Doanh thu</u>	<u>Tỷ đồng</u>	411,45

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2026
Bao bì	Tỷ đồng	289,47
Phân bón	Tỷ đồng	121,15
Doanh thu khác	Tỷ đồng	
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	0,83
Thu nhập khác	Tỷ đồng	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,22
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,22
Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,50

Các giải pháp thực hiện

Quản trị sản xuất:

Triển khai phần mềm quản lý sản xuất bao bì từ lập kế hoạch đến kiểm soát chất lượng giúp tăng tính linh hoạt và tối ưu hiệu suất. Hệ thống kế hoạch đa cấp độ (tuần/tháng/quý/năm) được đồng bộ theo công suất và nhu cầu tiêu thụ, nâng cao khả năng kiểm soát tiến độ, cân đối năng lực sản xuất và đáp ứng tăng trưởng. Đồng thời, nguồn nguyên liệu dự phòng được chủ động, đặc biệt với các NVL có thời gian mua sắm dài, đảm bảo chuỗi cung ứng ổn định và duy trì sản xuất liên tục trong giai đoạn cao điểm.

Về chất lượng, mục tiêu là giảm 10% số lượng không phù hợp (KPH) so với 2025 và không để xảy ra KPH nghiêm trọng, thông qua kiểm soát chặt chẽ và đào tạo nâng cao năng lực vận hành. Thử nghiệm tối thiểu 10 loại NVL mới và tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao chất lượng thành phẩm.

Kế hoạch bảo dưỡng được lập chi tiết cho từng cụm máy, bám sát thực tế để duy trì vận hành ổn định, đồng thời cải tiến MMTB và quy trình nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu mối nguy gây sự cố lặp lại. Công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy được củng cố, tăng cường kiểm tra thông qua đội An toàn vệ sinh viên; nâng cao hiệu quả kiểm soát hệ thống quản lý bằng việc đánh giá nội bộ định kỳ.

Lấy tự động hóa và số hóa làm trục phát triển, PPC tập trung sản xuất bao bì và phân bón, tự động hóa các công đoạn chính, ứng dụng phần mềm quản lý sản xuất, nhằm nâng cao năng suất, ổn định chất lượng và tối ưu chi phí.

Nâng cao hiệu quả quản lý an toàn, môi trường và PCCC theo hướng chủ động phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và tuân thủ ISO 9001, ISO 14001. Triển khai đào tạo, giám sát hiện trường, phát triển công cụ đánh giá rủi ro, thúc đẩy quan trắc môi trường, nâng cấp trang thiết bị PCCC/ứng cứu khẩn cấp và áp dụng chuyển đổi số, nhằm xây dựng môi trường làm việc an toàn, xanh và bền vững.

Quản trị kinh doanh:

Phát triển các công thức sản phẩm thị trường cần để đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ. Đối với lĩnh vực bao bì, trọng tâm chiến lược là thâm nhập thị trường thông qua việc xây dựng chính sách giá bán linh hoạt theo đặc thù từng ngành hàng. Mục tiêu là tiếp cận sâu rộng vào chuỗi cung ứng của các nhà máy phân bón và thức ăn chăn nuôi, từ đó gia tăng 20% lượng khách hàng mới.

Phát triển thị phần, công tác quản trị rủi ro công nợ sẽ được siết chặt bằng việc áp dụng cơ chế cảnh báo sớm và tái đánh giá hạn mức cho từng đối tác. PPC đặt mục tiêu xử lý triệt để khoản công nợ tồn đọng và ngăn chặn tuyệt đối tình trạng phát sinh nợ xấu mới.

Duy trì sự tăng trưởng bền vững, công ty sẽ chú trọng nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua các hoạt động khảo sát định kỳ và cải tiến dịch vụ hậu mãi, quyết tâm đưa tỷ lệ hài lòng của khách hàng đạt mức trên 92%.

Đối với lĩnh vực phân bón, chiến lược trọng tâm là thúc đẩy tăng trưởng sản lượng thông qua việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm và mở rộng dư địa thị trường sang các vùng tiêu thụ mới. Đồng thời, PPC sẽ đẩy mạnh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm đảm bảo đầu ra ổn định, qua đó giải quyết bài toán tối ưu hóa vòng quay hàng tồn kho và giảm thiểu rủi ro lưu kho.

Quản trị nguồn nhân sự:

Bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình từng giai đoạn.

Đảm bảo hoạt động đào tạo bám sát yêu cầu thực tế của từng bộ phận, giúp CBNCV nâng cao hơn nữa năng lực chuyên môn, phát triển kỹ năng, đảm bảo chất lượng đội ngũ nhân sự đồng đều đáp ứng công việc ngày càng hiệu quả và nâng cao năng suất.

Khuyến khích các phòng ban chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, bài học thành công, nhằm lan tỏa kiến thức và nâng cao hiệu quả làm việc.

Đánh giá hiệu quả của từng chương trình đào tạo dựa trên các tiêu chí như cải thiện kỹ năng, tăng năng suất và giảm chi phí.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát huy vai trò, sức mạnh của các đoàn thể, phát huy sức mạnh tập thể trong sản xuất kinh doanh.

Quản trị tài chính:

Đảm bảo nguồn tài chính đủ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển bền vững.

Tối ưu hóa chi phí trong mọi hoạt động, từ sản xuất đến vận hành, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

Theo dõi và phân tích các khoản chi phí theo thời gian thực hiện; Xây dựng các tiêu chí đánh giá chi phí từ đó phát hiện và loại bỏ các khoản chi không cần thiết.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ Phần Bao bì Dầu khí Việt Nam, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Thông tin đã thể hiện ở phần II Tình hình hoạt động trong năm

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc hoàn thiện các chính sách quản trị nhân lực

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc trả thù lao lao động

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc bố trí và sử dụng nhân viên

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc đề bạt và thăng tiến

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong đào tạo và phát triển

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc tạo động lực tinh thần cho nhân viên

Sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc trong việc cải thiện môi trường và điều kiện làm việc

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Nhận định được sự tồn tại và phát triển ổn định, bền vững trong xã hội phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố con người và môi trường hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, việc thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội sẽ giúp Công ty đạt được:

- Nâng cao giá trị thương hiệu và uy tín của công ty cũng như mở rộng quy mô kinh doanh cũng như làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Thu hút nguồn lao động giỏi, có năng lực nhằm tăng năng suất, hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt. Ngoài ra, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội còn giúp doanh nghiệp giữ chân được những nhân viên có chuyên môn, góp phần khẳng định “sức mạnh mềm” của doanh nghiệp.

- Giúp doanh nghiệp thực hiện hiệu quả hoạt động quản lý trong công ty và các trách nhiệm khác trong xã hội.

- Đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của doanh nghiệp.

- Trong năm 2025, PPC tích cực phối hợp với các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu triển khai các hoạt động an sinh xã hội như: tham gia hiến máu nhân đạo; trao quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn từ Quỹ tương trợ Đạm Cà Mau; thăm hỏi người lao động có hoàn cảnh đặc biệt; tặng quà và hỗ trợ bữa ăn cho người lao động trực Tết. Các hoạt động này góp phần tăng cường sự gắn kết giữa doanh nghiệp và cộng đồng, đồng thời nâng cao uy tín và hình ảnh của Công ty trên địa bàn tỉnh.

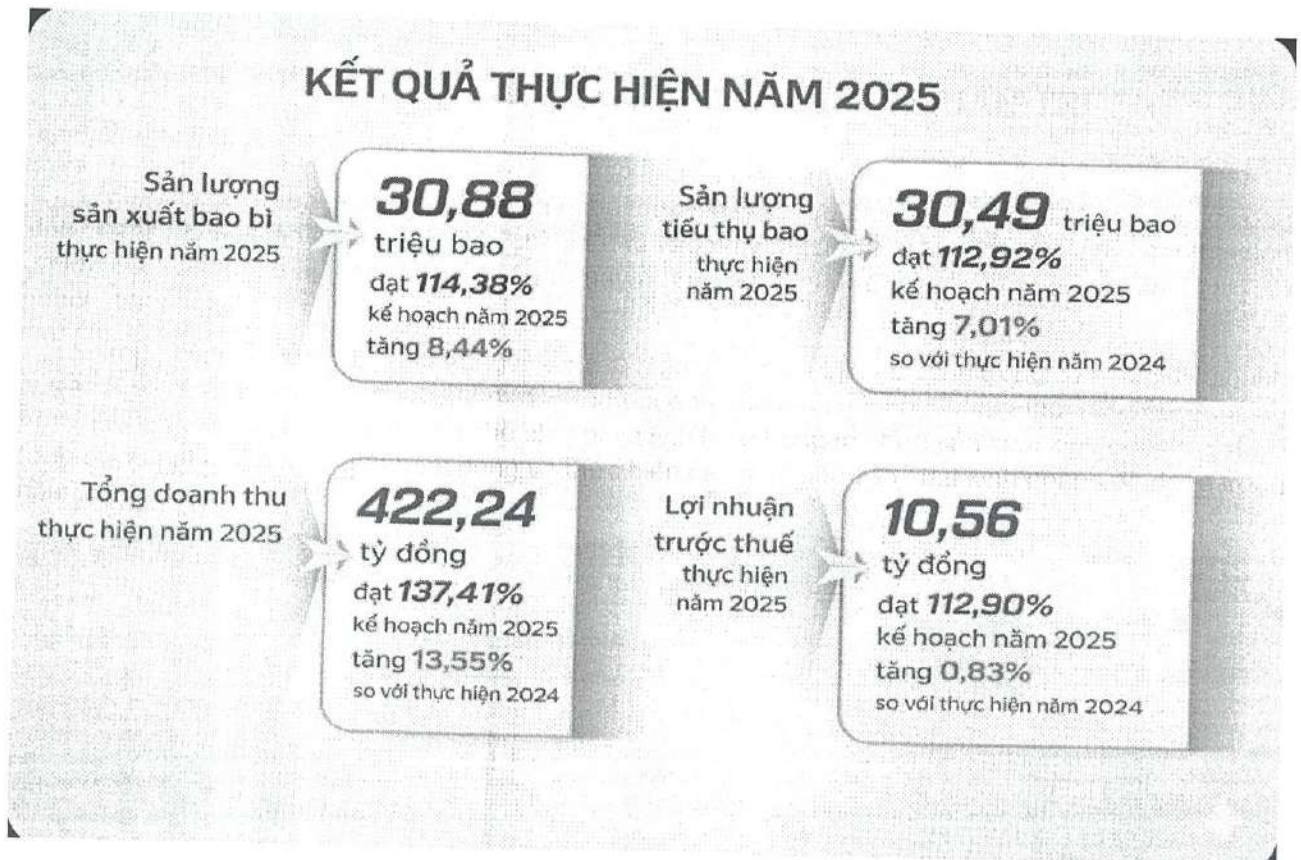
- PPC đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đóng góp hơn 6,15 tỷ đồng thông qua các khoản thuế, lệ phí. Đây là minh chứng cho sự tuân thủ pháp luật và trách nhiệm doanh nghiệp đối với cộng đồng, đồng thời góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty năm 2025

Năm 2025, bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước tiếp tục có nhiều yếu tố khó lường, môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng cao, chi phí đầu vào và yêu cầu về hiệu quả hoạt động đặt ra nhiều áp lực đối với doanh nghiệp. Những yếu tố này đã tác động nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung.

Trong bối cảnh đó, PPC tập trung nâng cao hiệu quả quản trị, chủ động trong công tác điều hành sản xuất và tối ưu hóa nguồn lực nhằm duy trì hoạt động ổn định. Công ty đồng thời tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, kiểm soát chặt chẽ chi phí và linh hoạt trong tổ chức sản xuất kinh doanh, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm 2025.



QUẢN TRỊ & HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1 Quản trị công ty & minh bạch thông tin

- ✓ Tuân thủ đầy đủ quy định về quản trị công ty niêm yết
- ✓ Thực hiện công bố thông tin đúng quy định pháp luật
- ✓ Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy tổ chức tinh gọn



2 Phát triển nguồn nhân lực

- ✓ Tổ chức đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động
- ✓ Nâng cao tay nghề và năng lực chuyên môn
- ✓ Khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể
- ✓ Khuyến khích sáng kiến và cải tiến trong công việc



3 Tuân thủ tài chính & kế toán

- ✓ Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán theo quy định Nhà nước
- ✓ Tuân thủ chuẩn mực kế toán và quy định tài chính
- ✓ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội



4 Trách nhiệm xã hội

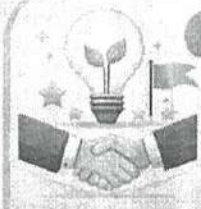
- ✓ Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương
- ✓ Hỗ trợ cộng đồng và các khu vực lân cận
- ✓ Quan tâm, giúp đỡ gia đình công nhân khó khăn



TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

Văn hóa công ty & người lao động

- ✓ Giữ gìn và phát triển **bản sắc văn hóa** công ty
- ✓ Bảo vệ quyền lợi cho **người lao động**
- ✓ Chống tham nhũng



Bảo vệ môi trường

- ✓ Bảo vệ môi trường
- ✓ Tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động
- ✓ Thu hẹp khoảng cách **nhân viên** và **lãnh đạo**



Vì lợi ích cộng đồng

- ✓ Vì lợi ích cộng đồng



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2025, Ban Giám đốc đã có những thành tích tích cực trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc phối hợp hoạt động dựa trên nguyên tắc linh động, nhịp nhàng, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông. Mỗi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy định hiện hành và Điều lệ Công ty; nỗ lực triển khai hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Mặc dù, trong năm 2025 có nhiều khó khăn nhưng Ban Giám đốc đã nỗ lực cố gắng, chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch 2025 đề ra.
- Đảm bảo Công ty hoạt động và thu nhập đời sống người lao động trong tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu
- Xây dựng phương thức lập kế hoạch, kiểm soát chi phí theo từng cost center giúp việc kiểm soát chi phí được chặt chẽ và hiệu quả.
- Duy trì và đảm bảo mức cổ tức cho cổ đông hàng năm ổn định.
- Tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn.

Bên cạnh đó còn một số điểm hạn chế

- Hạ tầng, cơ sở vật chất xuống cấp nhưng chưa được đầu tư đồng bộ.
- Hạn chế sáng kiến cải tiến nổi bật.

Kế hoạch năm 2026

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Sản lượng Sản xuất & Tiêu thụ

Sản lượng sản xuất bao bì: 31,5 triệu bao

Sản lượng sản xuất phân bón: 6.000 tấn

Sản lượng tiêu thụ bao bì: 31,5 triệu bao

Sản lượng tiêu thụ phân bón: 12.000 tấn

Tài chính

Doanh thu: 411,45 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 11,22 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 8,97 tỷ đồng

Về chiến lược kinh doanh

Công ty tập trung thực hiện các định hướng chiến lược nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Trong đó, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng phần mềm quản lý sản xuất và hệ thống ERP nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tăng cường khả năng kiểm soát và tuân thủ quy định.

Song song đó, Công ty tiếp tục mở rộng năng lực sản xuất bao bì, đầu tư thêm máy sợi và máy dệt, từng bước nâng cao sản lượng, hướng tới mục tiêu dài hạn đạt trên 50 triệu bao bì và hơn 20.000 tấn phân bón vào năm 2030.

Bên cạnh hoạt động sản xuất, Công ty định hướng phát triển bền vững theo mô hình ESG, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, tăng cường tái sinh – tái chế nhằm giảm phát thải và nâng cao hiệu quả hoạt động dài hạn.

Ngoài ra, Công ty sẽ mở rộng các hoạt động dịch vụ, bao gồm logistics xanh, cung ứng nguyên vật liệu phân bón và các dịch vụ hỗ trợ như minimart, góp phần đa dạng hóa nguồn doanh thu và nâng cao giá trị cung cấp cho khách hàng.

Định hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

Hoàn thiện và nâng cấp cơ sở hạ tầng và nhà xưởng sản xuất, bảo đảm tính đồng bộ phục vụ kế hoạch mở rộng nhà máy bao bì.

Tiếp tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả vận hành.

Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và năng suất lao động.

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất bao bì và phân bón nhằm kiểm soát chi phí và tối ưu hiệu quả sản xuất.

Đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết và hướng tới sự phát triển bền vững của Công ty.

Định hướng giai đoạn 2021-2025

Lĩnh vực bao bì

- Tập trung toàn bộ nguồn lực đáp ứng tất cả nhu cầu đóng gói của Đạm Cà Mau, đồng thời đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm để bảo vệ thương hiệu PVCFC. Tăng tỷ trọng Bao bì cung cấp cho khách hàng bên ngoài, xúc tiến xuất khẩu bao bì sang các nước khác như: Lào, Campuchia,... đảm bảo duy trì sản lượng bao bì đạt 30 triệu bao/năm

Lĩnh vực phân bón

- Duy trì sản xuất các sản phẩm phân bón N. Humate, NPK, NPK Humic.
- Là đơn vị gia công sản phẩm thử nghiệm phân bón mới của PVCFC và gia công cho các đối tác bên ngoài nhằm đảm bảo nhà máy sản xuất đạt công suất tối đa.

• Sản xuất - thị trường

- Nâng cao trình độ tay nghề và kỹ thuật vận hành máy móc;
- Áp dụng triệt để chương trình 5S và Kaizen để loại bỏ lãng phí, tăng hiệu quả sản xuất;
- Không ngừng cải tiến, nghiên cứu công nghệ mới nhằm nâng cao công suất tối đa của máy móc;

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt phân khúc bao bì chất lượng cao;
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ tốt nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước;
- Dẫn đầu về chất lượng, giá thành sản phẩm;
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng nhiệt tình, thân thiện và chu đáo;
- Thiện chí trong liên kết, hợp tác với khách hàng và đối tác;
- Không ngừng học hỏi, tìm kiếm cơ hội phát triển kinh doanh;
- Xây dựng và giữ vững phương châm: "Uy tín - Chất lượng - An toàn - Hiệu quả";
- Có chính sách bán hàng tốt nhằm xây dựng, định vị thương hiệu trên thị trường. Ngoài ra, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu, sản phẩm và năng lực đến rộng rãi các đối tượng khách hàng tiềm năng thông qua các phương tiện truyền thông, internet,...

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên HĐQT
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT: ngày 21/06/2018 Chủ tịch HĐQT: ngày 22/11/2019; tái bổ nhiệm ngày 08/06/2023; miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 22/5/2025
02	Ông Lê Đăng Thạch	Chủ tịch HĐQT	Ngày 22/5/2025
03	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Ngày 21/06/2018; tái bổ nhiệm ngày 08/06/2023
04	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	Ngày 24/4/2020; tái bổ bổ nhiệm ngày 24/06/2020; miễn nhiệm ngày 22/5/2025
05	Bà Huỳnh Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT độc lập	Ngày 22/5/2025
06	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	Ngày 22/11/2019; tái bổ nhiệm ngày 30/05/2024
07	Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên HĐQT	Ngày 30/05/2024

Sơ yếu lý lịch của các Thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG NGUYỄN ĐỨC THUẬN – CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 08/03/1974

Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải thủy bộ
Quá trình công tác	
Từ 01/1998 - 09/1999	Công tác tại Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí
Từ 09/1999 - 05/2002	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật tại Ban quản lý dự án nhà số 1 và 5 Lê Duẩn thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
Từ 05/2002 - 08/2007	Chuyên viên Kỹ thuật cho Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ, TP. HCM
Từ 08/2007 - 06/2014	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP bất động sản Dầu khí, TP. HCM
Từ 07/2014 - 21/11/2019	Phó chánh Văn phòng Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Từ 21/06/2018 - 21/11/2019	Phó chánh Văn phòng Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 22/11/2019 – 22/5/2025	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 10/01/2024 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG LÊ ĐĂNG THẠCH – CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 04/01/1974

Trình độ chuyên môn		Kỹ sư Xây dựng
Quá trình công tác		
Từ 8/1996 – 4/2004	Chuyên viên Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí – BRVT	
Từ 4/2004 – 4/2006	Đội trưởng đội thi công XN thi công cơ giới – Công ty thiết kế và Xây dựng Dầu khí – BRVT	
Từ 4/2006 – 6/2007	Chuyên viên Ban QLDA Đường ống dẫn khí Phú Mỹ - TP. HCM	
Từ 6/2007 – 2/2008	Chuyên viên Ban Xây dựng – Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ	
Từ 2/2008 – 6/2009	Phó Ban QLDA Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ	
Từ 6/2009 – 12/2010	Phó Giám đốc Nhà máy Chế biến Condensate – Tổng Công ty Dầu Việt Nam	
Từ 12/2010 – 5/2015	Phó Giám đốc Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam	
Từ 5/2015 – 3/2016	Phó Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư – Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	
Từ 3/2016 – 5/2016	Phó Giám đốc Ban QLDACN - Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	
Từ 5/2016 – 5/2025	Phó Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư – Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	
Từ 5/2025 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam	
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu	

ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN – THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 13/08/1975

Thông tin đã thể hiện ở phần II sơ yếu lý lịch của Ban điều hành.**ÔNG TRẦN THIÊN HỒNG – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**

Năm sinh: 04/03/1951

Quá trình công tác	
Từ 1975 - 1985	Công tác tại Hợp tác xã xây dựng Bình Minh
Từ 1985 - nay	Kinh doanh buôn bán đồ gỗ tại gia
Từ 04/2015 – 5/2025	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

BÀ HUỖNH THỊ HƯƠNG LAN – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh: 14/4/1980

Quá trình công tác	
Từ 8/2006 – 3/2014	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH XD TMDV và Tư vấn IDC
Từ 4/2014 – 8/2024	Nhân viên Kế toán DNTN Phương Ngọc
Từ 9/2024 – nay	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTC

1/5/25
T.Y.
N.
J.K.
M.
BAC

Từ 5/2025 – nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

BÀ TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 18/08/1979

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Từ 11/2001 - 08/2005	Thư ký HACCP, Chuyên viên tại Xí nghiệp 2 – Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2005 - 08/2008	Chuyên viên Phòng Kinh doanh tại Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu Cà Mau
Từ 09/2008 - 01/2010	Chuyên viên Phòng Kinh tế kế hoạch tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 02/2010 - 01/2011	Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư tại Ban quản lý dự án Cụm Khí Điện Đạm Cà Mau
Từ 08/2012 - 10/2014	Phó trưởng Ban Kế hoạch chiến lược tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau)
Từ 10/2014 - 01/2015	Phó trưởng Ban Kế hoạch Chiến lược tại Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau) Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 02/2015 - 06/2018	Trưởng Ban Kế hoạch Chiến lược Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (nay là Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau), Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam.
Từ 06/2018 - nay	Trưởng Ban Kế hoạch Chiến lược Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC); Thành viên HĐQT tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

ÔNG ĐỖ THÀNH HƯNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 03/05/1975

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư lọc hóa dầu, Cử nhân Kinh tế chính trị
Từ 01/06/1998 - 31/03/2003	Chuyên viên, Phòng Dầu thô và SP dầu mỏ, Trung tâm NC và phát triển Chế biến Dầu khí - PetroVietnam- số 4 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. HCM
Từ 01/04/2003 - 30/06/2006	Chuyên viên, Phòng Kinh tế Đề án, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí - Petro Vietnam - Số 4 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. HCM
Từ 01/07/2006 - 30/09/2010	Chuyên viên, Phòng Đầu tư (Đầu tư dự án), - Tổ trưởng Tổ dự án, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM
Từ 01/10/2010 - 31/03/2011	Trợ lý Ban Tổng giám đốc khu vực phía nam, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - 208 Nguyễn Trãi, quận 1, TP. HCM
Từ 01/04/2011 - 30/06/2011	Phó phòng Phụ trách phòng Huy động vốn và Dịch vụ Tài chính, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn - Tầng 18, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư lọc hóa dầu, Cử nhân Kinh tế chính trị
Từ 01/07/2011 - 31/12/2015	Trưởng phòng Tổng hợp Tiếp thị, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7, TP. HCM
Từ 01/01/2016 -	Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)
Từ 30/05/2024 - nay	Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam; Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, Phó chánh văn phòng – phụ trách Văn phòng HĐQT – Tổng Công ty phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của Hội đồng quản trị được phân công cho các thành viên thẩm tra một số nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để ra quyết định. Đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong khoản thời gian từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	02/02	Miễn nhiệm ngày 22/5/2025
02	Ông Lê Đăng Thạch	Chủ tịch HĐQT	02/02	Bổ nhiệm ngày 22/5/2025
03	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT	04/04	
04	Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT độc lập	02/02	Miễn nhiệm ngày 22/5/2025
05	Bà Huỳnh Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT độc lập	02/02	Bổ nhiệm ngày 22/5/2025
06	Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	04/04	
07	Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên HĐQT	02/02	Bổ nhiệm ngày 30/5/2024

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số ký hiệu	Ngày/ tháng/ năm	Nội dung
1	01-NQ/PPC/HĐ	09/01/2025	Họp HĐQT quý IV/2024
2	02-NQ/PPC/HĐ	29/3/2025	V/v giao dịch người có liên quan (PVCFC, KVF)
3	03-NQ/PPC/HĐ	03/4/2025	V/v gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ TN 2025
4	04-NQ/PPC/HĐ	03/4/2026	V/v chốt Danh sách cổ đông hưởng quyền tham dự ĐHĐCĐ TN 2025
5	05-NQ/PPC/HĐ	28/3/2025	V/v công tác cán bộ
6	06-NQ/PPC/HĐ	28/3/2025	V/v công tác cán bộ
7	07-NQ/PPC/HĐ	01/4/2025	Quyết toán tiền lương năm 2024
8	08-NQ/PPC/HĐ	25/4/2025	Tổ chức ĐHĐCĐ TN
9	09-NQ/PPC/HĐ	25/4/2025	V/v họp HĐQT quý I/2025
10	10-NQ/PPC/HĐ	22/5/2025	V/v bầu cán bộ
11	11-NQ/PPC/HĐ	23/5/2025	Bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty
12	12-NQ/PPC/HĐ	02/6/2025	V/v Chủ trương mua Minimart
13	13-NQ/PPC/HĐ	26/6/2025	Họp HĐQT quý II/2025
14	14-NQ/PPC/HĐ	30/6/2025	Phê duyệt DS tổ chức tín dụng và hạn mức đầu tư tiền gửi
15	15-NQ/PPC/HĐ	16/7/2025	V/v thông qua hợp đồng, giao dịch với người liên quan
16	16-NQ/PPC/HĐ	8/10/2025	Họp HĐQT quý III/2025
17	17-NQ/PPC/HĐ	8/10/2025	V/v chia cổ tức năm 2024
18	18-NQ/PPC/HĐ	31/10/2025	Về công tác cán bộ
19	19-NQ/PPC/HĐ	17/11/2025	V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
20	20-NQ/PPC/HĐ	21/11/2025	V/v thông qua hợp đồng, giao dịch với người liên quan
21	21-NQ/PPC/HĐ	27/11/2025	V/v Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050
22	22-NQ/PPC/HĐ	16/12/2025	V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 - 2030
23	23-NQ/PPC/HĐ	24/12/2025	Về thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Stt	Số ký hiệu	Ngày/ tháng/ năm	Nội dung
24	01 - QĐ/PPC/HĐ	31/3/2025	V/v bổ nhiệm cán bộ
25	02 - QĐ/PPC/HĐ	31/3/2025	V/v bổ nhiệm cán bộ
26	03 - QĐ/PPC/HĐ	07/4/2025	V/v bổ nhiệm cán bộ
27	04 - QĐ/PPC/HĐ	07/4/2025	V/v Quy hoạch cán bộ PPC
28	05 - QĐ/PPC/HĐ	25/4/2025	V/v ban hành Quy chế tài sản
29	06 - QĐ/PPC/HĐ	26/4/2025	V/v ban hành Quy chế nợ
30	07 - QĐ/PPC/HĐ	27/4/2025	V/v ban hành Quy chế quản trị rủi ro
31	08 - QĐ/PPC/HĐ	23/5/2025	V/v bổ nhiệm cán bộ
32	9 - QĐ/PPC/HĐ	22/5/2025	V/v sắp lương cán bộ
33	10 - QĐ/PPC/HĐ	22/5/2025	V/v xếp thù lao đối với TV. HĐQT
34	11 - QĐ/PPC/HĐ	26/6/2025	V/v ban hành Quy chế kinh doanh
35	12 - QĐ/PPC/HĐ	30/6/2025	V/v thông qua Danh sách tổ chức tín dụng, hạn mức tiền gửi
36	13 - QĐ/PPC/HĐ	16/7/2025	V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Đơn hàng cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025
37	14 - QĐ/PPC/HĐ	22/7/2025	V/v ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ
38	15 - QĐ/PPC/HĐ	22/7/2025	V/v ban hành Quy chế phân cấp các quyết định trong hoạt động đầu tư và lựa chọn nhà thầu

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Căn cứ Điều lệ hoạt động và Quy chế, quy định của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các nhiệm vụ được giao.

Việc giám sát được thực hiện thông qua các báo cáo của Giám đốc tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp giao ban của Ban điều hành. Ngoài ra, Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, làm việc với Ban điều hành về các vấn đề liên quan trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển Công ty.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Trần Thiên Hồng – thành viên Hội đồng quản trị độc lập (miễn nhiệm ngày 22/5/2025); Bà Huỳnh Thị Hương Lan – thành viên Hội đồng quản trị độc lập (bổ nhiệm ngày 22/5/2025) tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT độc lập theo điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật.

2. Ban kiểm soát

Danh sách Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Kiểm soát viên
01	Ông Lê Cảnh Khánh	Trưởng BKS	Trưởng BKS từ 08/06/2023
02	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	Trưởng BKS ngày 14/04/2016 - 20/06/2018 Kiểm soát viên ngày 21/06/2018 - nay
03	Bà Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	Kiểm soát viên ngày 24/06/2020

Sơ yếu lý lịch Thành viên Ban kiểm soát

ÔNG LÊ CẢNH KHÁNH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 28/09/1970

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 09/1992 - 06/1996	Kế toán trưởng Trung tâm Tôm- Đại học Cần Thơ, Kế toán trưởng- Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ
07/1996- 12/2002	Chuyên viên tín dụng, Chương trình hỗ trợ phát triển FOS Tỉnh Vĩnh Long
01/2005 - 02/2011	Kế toán trưởng Công ty CP Cơ Khí Ô tô Cần Thơ (CAMECO)
03/2011 - 06/06/2023	Kế Toán Trưởng Công ty CP Bao Bì Dầu Khí Việt Nam (PPC)
Từ 08/06/2023 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 12/06/2023 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	1.470 cổ phiếu tương ứng 0,03% vốn điều lệ

BÀ NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG – KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh: 10/12/1982

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 10/2005 - 05/2007	Kế toán bán hàng Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Vĩnh Tường, tại quận 10, TP.HCM
Từ 06/2007 - 08/2008	Kế toán kho Công ty Cổ Phần Nhà Tinh Túy, tại quận 10, TP. HCM
Từ 09/2008 - 09/2010	Kế toán Công ty TNHH Tư Vấn Kế toán V.L.C

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Từ 10/2010 - 01/2012	Kế toán bán hàng, Cửa hàng Honda Nam Sương 2 thuộc Công ty TNHH Cà Phê Nam Sương tại TP. Bạc Liêu
Từ 07/2012 - 04/2016	Kế toán Vật tư bán hàng, kiêm thủ quỹ tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 14/04/2016 - 20/06/2018	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 9/2018 - 01/2019	Phó phòng KH-KD phụ trách kế hoạch Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 21/06/2018 - nay	Thành viên BKS Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 02/2019 - 04/07/2024	Phó phòng Kinh doanh Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 05/07/2024 - nay	Phó phòng Kiểm toán nội bộ Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

BÀ NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG – KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh: 27/01/1983

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 03/2007 đến 12/2007	Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Xây Dựng Phát Triển Nhà Bạc Liêu
Từ 12/2007 đến 10/2008	Giao dịch viên tại Ngân hàng TMCP Nam Việt CN Bạc Liêu
Từ 10/2008 đến 05/2009	Kiểm Soát Viên tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 05/2009 đến 03/2014	Phó Trưởng phòng Kế Toán Ngân Quỹ phụ trách Phòng Kế toán Ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 03/2014 tháng 12/2014	Phó phòng Kế toán và Ngân quỹ tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 12/2014 đến 12/2015	Phó phòng Dịch Vụ Nội Bộ & Giao Dịch kiêm phụ trách Kế Toán tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 12/2015 đến 02/2017	Phó phòng Dịch Vụ Nội Bộ & Giao Dịch tại Ngân hàng TMCP An Bình CN Bạc Liêu
Từ 03/2017 đến 09/2018	Kế Toán kiêm Quản Lý Trung Tâm tại Trung Tâm Kế Toán Dịch Vụ Thuế
Từ 10/2018 đến 12/2018	Phó Trưởng phòng phụ trách Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 01/2019 đến 05/2019	Phó Trưởng phòng Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 05/2019 đến 07/2019	Trưởng phòng giao dịch tại Phòng Giao dịch Hòa Bình Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.
Từ 08/2019 đến 04/2020	Phó Trưởng phòng Kế Toán Giao dịch và Kho quỹ tại Ngân hàng TMCP Việt Á CN Bạc Liêu.

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Từ 04/2020 - nay	Chuyên viên kế hoạch tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Từ 06/2020 - nay	Kiểm soát viên tại Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Các cuộc họp trong năm

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự
01	Ông Lê Cảnh Khánh	Trưởng Ban kiểm soát	6/6	
02	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Kiểm soát viên	6/6	
03	Bà Nguyễn Hoài Phương	Kiểm soát viên	6/6	

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, xem xét các báo cáo tài chính của Công ty và thực hiện việc giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành, luôn đặt lợi ích Công ty lên hàng đầu, tập trung xây dựng và phát triển Công ty.
- Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các Nghị quyết/Quyết định, chỉ thị của PVCFC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đều được Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kịp thời.
- Kiểm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính bán niên và kiểm tra báo cáo tài chính kiểm toán năm của Công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Công ty đã lập báo cáo tài chính đúng thời hạn và phù hợp với Luật kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn được ưu tiên hàng đầu. Về cơ bản, các quy chế, quy trình, quy định đều phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, tình hình hoạt động của Công ty và được cán bộ, nhân viên thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Công ty đang tiếp tục rà soát, bổ sung và sửa đổi các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành.
- Các quyết định, chỉ thị của Giám đốc đều được ban hành đúng thẩm quyền, hợp pháp và kịp thời nhằm điều hành tốt hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi và thảo luận với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Trưởng Ban kiểm soát tham gia để đánh giá tình hình thực hiện định hướng, chiến lược và thiết lập các định hướng, đề ra giải pháp chiến lược theo tình hình mới làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các tài liệu họp Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát xem xét và đóng góp ý kiến. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Các biên bản họp của Hội đồng quản trị đều được gửi tới Ban kiểm soát để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời. Ngoài việc kiểm tra giám sát, trong quá trình soạn thảo, ban hành các quy chế, quy định, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát với chuyên môn của mình đã tham gia tư vấn, góp ý để hoàn thiện hơn, phù hợp với tình hình thực tế.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban điều hành

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

ĐVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao	Tiền thưởng, phúc lợi khác	Tổng cộng	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị:		875,22	32,00	907,217	
1	Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	39,67	-	39,67	Từ ngày 01.1 đến hết 30.5.2025
2	Lê Đăng Thạch	Chủ tịch HĐQT	504,64	32,00	536,64	Từ ngày 30.5.2025
3	Trần Thiên Hồng	Thành viên HĐQT	31,73	-	31,73	Từ ngày 01.1 đến hết 30.5.2025
4	Đỗ Thành Hưng	Thành viên HĐQT	110,30		110,30	
5	Trần Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	110,30		110,30	
6	Huỳnh Thị Hương Lan	Thành viên HĐQT	78,57		78,57	Từ ngày 30.5.2025
II	Ban Kiểm soát:		617,60	62,74	680,34	
1	Lê Cảnh Khánh	Trưởng BKS	478,10	62,74	540,84	
2	Nguyễn Hoài Phương	Thành viên BKS	69,75		69,75	
3	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Thành viên BKS	69,75		69,75	
III	Ban Giám đốc:		1.323,17	165,97	1.489,14	
1	Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	826,98	101,23	928,21	

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao	Tiền thưởng, phúc lợi khác	Tổng cộng	Ghi chú
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó giám đốc	496,19	64,74	560,93	
IV	Kế toán trưởng:		338,84	48,49	387,33	
1	Trần Minh Nhất	Kế toán trưởng	338,84	48,49	387,33	
	Tổng cộng:		3.154,83	309,20	3.464,03	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không phát sinh

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Năm 2025, Công ty có thực hiện giao dịch mua bán sản phẩm Bao bì và Phân bón với Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau là công ty mẹ - Cổ đông lớn (chiếm 51,03% vốn điều lệ Công ty).

Đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(như đính kèm)

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC).

Nơi nhận:

- Lưu VT

(Chữ ký)



NGUYỄN TRUNG KIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đăng Thạch	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2025)
Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2025)
Bà Trần Như Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên
Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hương Lan	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2025)
Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
Lô A 1-3, Khu Công nghiệp Trà Kha
Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Số: 051X /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.480.031.523	104.901.214.406
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	35.249.968.830	3.121.473.191
1. Tiền	111		20.249.968.830	3.121.473.191
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	35.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	35.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.060.320.116	7.658.818.917
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.832.141.447	7.198.122.077
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		315.039.281	228.316.050
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	79.528.768	363.501.370
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(166.389.380)	(131.120.580)
IV. Hàng tồn kho	140	8	45.429.748.017	58.166.939.145
1. Hàng tồn kho	141		45.429.748.017	58.166.939.145
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		739.994.560	953.983.153
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	739.994.560	284.592.989
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	669.390.164
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.421.672.059	47.412.808.939
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		580.826.016	511.526.016
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	580.826.016	511.526.016
II. Tài sản cố định	220		44.780.697.419	43.575.223.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	33.896.643.634	32.362.935.075
- Nguyên giá	222		138.879.135.571	131.649.757.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.982.491.937)	(99.286.822.779)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	10.884.053.785	11.212.288.816
- Nguyên giá	225		14.121.585.797	11.983.425.797
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.237.532.012)	(771.136.981)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		380.000.000	380.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(380.000.000)	(380.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.060.148.624	3.326.059.032
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.060.148.624	3.326.059.032
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		131.901.703.582	152.314.023.345

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.883.417.634	83.569.463.167
I. Nợ ngắn hạn	310		52.423.532.515	74.506.967.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	13.929.354.101	14.333.200.920
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	24.676.010.059	47.792.464.908
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.406.602.364	698.180.985
4. Phải trả người lao động	314		5.707.755.281	7.476.096.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	628.717.607	502.987.452
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		16.501.713	72.130.379
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	4.228.612.532	3.236.405.438
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	829.978.858	395.500.035
II. Nợ dài hạn	330		9.459.885.119	9.062.496.051
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	9.459.885.119	9.062.496.051
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.018.285.948	68.744.560.178
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	70.018.285.948	68.744.560.178
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.995.160.000	47.995.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.995.160.000	47.995.160.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.733.438.311	12.535.801.899
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.289.687.637	8.213.598.279
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		49.294.444	74.204.162
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.240.393.193	8.139.394.117
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		131.901.703.582	152.314.023.345

Hà Ngọc Duyên
 Người lập biểu

Trần Minh Nhất
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	420.646.139.783	370.255.844.016
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	12.160.500	25.609.584
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		420.633.979.283	370.230.234.432
4. Giá vốn hàng bán	11	23	389.832.134.165	339.743.119.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.801.845.118	30.487.114.534
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.553.968.302	1.587.992.730
7. Chi phí tài chính	22	26	984.301.243	594.041.105
- Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi thuê tài chính	23		984.204.296	593.490.561
8. Chi phí bán hàng	25	27	6.795.725.100	6.422.931.138
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.070.079.139	14.580.816.230
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		10.505.707.938	10.477.318.791
11. Thu nhập khác	31		52.281.600	23.550.000
12. Chi phí khác	32		2.400.170	31.656.515
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		49.881.430	(8.106.515)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.555.589.368	10.469.212.276
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	2.415.196.175	2.329.818.159
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.140.393.193	8.139.394.117
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.357	1.303

Hà Ngọc Duyên
Người lập biểu

Trần Minh Nhất
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.555.589.368	10.469.212.276
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	02	8.162.064.189	6.322.153.463
Các khoản dự phòng	03	35.268.800	(241.443.612)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(381.326)	(734.490)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(394.684.931)	(1.041.100.017)
Chi phí lãi vay	06	984.204.296	593.490.561
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.342.060.396	16.101.578.181
Thay đổi các khoản phải thu	09	6.020.718.795	(4.543.956.154)
Thay đổi hàng tồn kho	10	12.737.191.128	(29.231.319.127)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(23.053.452.203)	17.694.652.070
Thay đổi chi phí trả trước	12	(189.491.163)	(662.220.521)
Tiền lãi vay đã trả	14	(979.504.840)	(561.093.545)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.489.257.002)	(2.575.724.040)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.352.600.000)	(2.239.351.314)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.035.665.111	(6.017.434.450)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.812.384.661)	(1.608.760.147)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(50.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.000.000.000	45.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	732.986.301	1.185.264.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.920.601.640	(5.423.495.747)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.116.346.985	515.420.631
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.494.027.491)	(1.266.633.133)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.370.883.332)	(2.911.059.244)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.079.588.600)	(4.319.564.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.828.152.438)	(7.981.836.146)
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	 50	 32.128.114.313	 (19.422.766.343)
 Tiền và tương đương tiền đầu năm	 60	 3.121.473.191	 22.543.505.044
 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	 61	 381.326	 734.490
 Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	 70	 35.249.968.830	 3.121.473.191

Hà Ngọc Duyên
 Người lập biểu

Trần Minh Nhất
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười ba ngày 03 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu (nay là Sở Tài chính tỉnh Cà Mau) cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Từ ngày 27 tháng 01 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PBP theo Thông báo số 28/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (trước đây là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau). Công ty mẹ tối cao của Công ty là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là Tập đoàn dầu khí Việt Nam).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 236 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 220 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ nhựa;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; và
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE và phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc

phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cố kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 10

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa, bảo trì, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, vật liệu, phụ tùng thay thế và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi cộng đồng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tính hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm tài chính nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu (nay là Chi cục Thuế Khu vực XX), dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Đối với hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	99.277.714	80.798.373
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.150.891.116	3.040.674.818
Các khoản tương đương tiền (i)	15.000.000.000	-
	35.249.968.830	3.121.473.191

- (i) Thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu có kỳ hạn gốc 1 tháng, với lãi suất 3,7%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Hòa Bình Plastic	723.591.792	129.600.000
Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	393.206.400	1.577.253.600
Công ty TNHH Vitracoe Green Nature	284.662.039	81.898.555
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hiếu Nhân	251.344.000	301.344.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	-	4.751.239.000
Các khách hàng khác	179.337.216	356.786.922
	1.832.141.447	7.198.122.077
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh số 31)	-	247.686.102

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.164.384	338.301.370
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.000.000	17.000.000
Tạm ứng cho công nhân viên	38.200.000	8.200.000
Các khoản khác	12.164.384	-
	79.528.768	363.501.370
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	580.826.016	511.526.016
	580.826.016	511.526.016

8. HÀNG TỒN KHO

		Số cuối năm VND		Số đầu năm VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.436.660.431	-	25.430.275.897	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.074.286.014	-	569.102.353	-
Thành phẩm	7.918.801.572	-	16.417.560.895	-
Hàng gửi bán	-	-	15.750.000.000	-
	45.429.748.017	-	58.166.939.145	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Vật liệu, phụ tùng thay thế	259.196.667	11.825.001
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	40.725.759	97.744.343
Các khoản khác	440.072.134	175.023.645
	739.994.560	284.592.989
b. Dài hạn		
Vật liệu, phụ tùng thay thế	1.492.110.455	455.966.875
Chi phí sửa chữa, bảo trì	1.074.721.713	2.288.347.698
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	493.316.456	581.744.459
	3.060.148.624	3.326.059.032

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	55.905.875.111	66.699.123.313	8.366.626.842	678.132.588	131.649.757.854
Tăng trong năm	329.013.088	1.755.151.111	3.284.017.980	35.175.926	5.403.358.105
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.826.019.612	-	-	1.826.019.612
Số dư cuối năm	56.234.888.199	70.280.294.036	11.650.644.822	713.308.514	138.879.135.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	33.312.721.703	57.948.732.069	7.567.947.584	457.421.423	99.286.822.779
Khấu hao trong năm	3.157.428.903	2.036.667.947	413.782.815	87.789.493	5.695.669.158
Số dư cuối năm	36.470.150.606	59.985.400.016	7.981.730.399	545.210.916	104.982.491.937
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	22.593.153.408	8.750.391.244	798.679.258	220.711.165	32.362.935.075
Tại ngày cuối năm	19.764.737.593	10.294.894.020	3.668.914.423	168.097.598	33.896.643.634

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 58.267.477.471 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 55.293.667.973 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu” và tài sản cố định khác hình thành từ vốn vay để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 21.664.332.742 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 26.025.545.426 VND).

11. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	11.983.425.797
Tăng trong năm	2.138.160.000
Số dư cuối năm	14.121.585.797
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	771.136.981
Khấu hao trong năm	2.466.395.031
Số dư cuối năm	3.237.532.012
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	11.212.288.816
Tại ngày cuối năm	10.884.053.785

Theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số 71.24.02/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2024, số 71.24.03/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 và số 66.25.09/CTTC-HĐMB ngày 22 tháng 4 năm 2025 với Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được quyền lựa chọn mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	25.065.499.147	21.881.002.347	1.363.404.701	1.821.092.099
Thuế thu nhập doanh nghiệp	591.280.092	2.415.196.175	-	2.489.257.002	517.219.265
Thuế thu nhập cá nhân	106.900.893	304.542.672	-	343.152.565	68.291.000
Các khoản phí, lệ phí	-	58.556.171	-	58.556.171	-
	<u>698.180.985</u>	<u>27.843.794.165</u>	<u>21.881.002.347</u>	<u>4.254.370.439</u>	<u>2.406.602.364</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.866.617.209	-
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức	1.373.729.046	977.092.071
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	700.704.000	969.100.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bao bì Nhựa Trung Sơn	500.954.079	1.903.399.452
Phải trả cho các đối tượng khác	7.487.349.767	10.483.609.397
	<u>13.929.354.101</u>	<u>14.333.200.920</u>
Trong đó:		
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	3.866.617.209	1.549.800

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ 8 09-DN

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	1.378.680.506	1.378.680.506	2.144.128.985	1.494.027.491	2.028.782.000	2.028.782.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	1.857.724.932	1.857.724.932	2.712.988.932	2.370.883.332	2.199.830.532	2.199.830.532
	<u>3.236.405.438</u>	<u>3.236.405.438</u>	<u>4.857.117.917</u>	<u>3.864.910.823</u>	<u>4.228.612.532</u>	<u>4.228.612.532</u>

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay dài hạn ngắn hạn (i)	3.452.208.006	3.452.208.006	3.116.346.985	1.494.027.491	5.074.527.500	5.074.527.500
Nợ thuế tài chính dài hạn (ii)	8.846.693.483	8.846.693.483	2.138.160.000	2.370.883.332	8.613.970.151	8.613.970.151
	<u>12.298.901.489</u>	<u>12.298.901.489</u>	<u>5.254.506.985</u>	<u>3.864.910.823</u>	<u>13.688.497.651</u>	<u>13.688.497.651</u>
Trong đó:						
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.236.405.438	3.236.405.438			4.228.612.532	4.228.612.532
- Số phải trả sau 12 tháng	9.062.496.051	9.062.496.051			9.459.885.119	9.459.885.119

(i) Thể hiện các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu theo các Hợp đồng cho vay số DN-1111/2021-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 18 tháng 11 năm 2021, DN-2501/2022-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 25 tháng 01 năm 2022, DN-1605/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 16 tháng 5 năm 2023, DN-2011/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 20 tháng 11 năm 2023, DN-2211/2023-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 22 tháng 11 năm 2023, DN-2706/2024-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 10 tháng 7 năm 2024, DN-1007/2025-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 17 tháng 7 năm 2025, DN-1208/2025-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 20 tháng 8 năm 2025, DN-1509/2025-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 24 tháng 9 năm 2025 và DN-1712/2025-HĐCVDADT/NHCT862-CTY BBDK ngày 24 tháng 12 năm 2025 với thời hạn vay từ 3 đến 5 năm để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản thuộc Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Phân bón Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định khác hình thành từ vốn vay (Thuyết minh số 10). Lãi suất của các khoản vay cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là từ 5,8%/năm đến 9%/năm (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 8%/năm đến 12%/năm).

- (ii) Thể hiện khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng cho thuê tài chính số 71.24.02/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2024, số 71.24.03/CTTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 và số 66.25.09/CTTC-HĐMB ngày 22 tháng 4 năm 2025 với thời hạn cho thuê tài chính 60 tháng. Lãi suất của các khoản nợ thuê tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7,6%/năm (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7,6%/năm).

Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.228.612.532	3.236.405.438
Trong năm thứ hai	3.423.876.032	3.152.506.932
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.036.009.087	5.909.989.119
	13.688.497.651	12.298.901.489
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	4.228.612.532	3.236.405.438
Số phải trả sau 12 tháng	9.459.885.119	9.062.496.051

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	395.500.035	514.753.540
- Trích quỹ trong năm	2.787.078.823	2.120.097.809
- Sử dụng quỹ	(2.352.600.000)	(2.239.351.314)
Số dư cuối năm	829.978.858	395.500.035

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	47.995.160.000	10.931.716.848	8.117.951.422	67.044.828.270
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.139.394.117	8.139.394.117
Trích lập các quỹ	-	1.604.085.051	(3.724.182.860)	(2.120.097.809)
Chia cổ tức	-	-	(4.319.564.400)	(4.319.564.400)
Số dư đầu năm nay	47.995.160.000	12.535.801.899	8.213.598.279	68.744.560.178
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.140.393.193	8.140.393.193
Trích lập các quỹ (i)	-	2.197.636.412	(4.984.715.235)	(2.787.078.823)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(4.079.588.600)	(4.079.588.600)
Số dư cuối năm nay	47.995.160.000	14.733.438.311	7.289.687.637	70.018.285.948

- (i) Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 2.197.636.412 VND, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.627.878.823 VND, Quỹ thưởng người quản lý với số tiền 259.200.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 900.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 22 tháng 5 năm 2025.

- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 22 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 8,5%/cổ phiếu tương đương với số tiền 4.079.588.600 VND. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông vào ngày 06 tháng 11 năm 2025.

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.799.516	4.799.516
Cổ phiếu phổ thông	4.799.516	4.799.516
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.799.516	4.799.516
Cổ phiếu phổ thông	4.799.516	4.799.516

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười ba ngày 03 tháng 7 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 47.995.160.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (trước đây là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)	24.491.670.000	51,03	24.491.670.000	51,03	24.491.670.000	51,03
Ông Dương Văn Cọp	3.528.000.000	7,35	3.528.000.000	7,35	3.528.000.000	7,35
Cổ đông khác	19.975.490.000	41,62	19.975.490.000	41,62	19.975.490.000	41,62
	<u>47.995.160.000</u>	<u>100</u>	<u>47.995.160.000</u>	<u>100</u>	<u>47.995.160.000</u>	<u>100</u>

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại USD	587,56	587,56

Thành phẩm nhận giữ hộ khách hàng tại ngày cuối năm như sau:

Tên thành phẩm	Tên khách hàng	Số cuối năm (Tấn)	Số đầu năm (Tấn)
Phân N.HUMATE+TE 28-5 (25Kg)	Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.580	189
Phân N.HUMATE+TE 28-5 (50Kg)	Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.287	249
Cộng		<u>2.867</u>	<u>438</u>

21. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất và kinh doanh bao bì, Bộ phận sản xuất và kinh doanh phân bón và Bộ phận kinh doanh hàng hóa.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận:

Năm nay	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất, gia công và kinh doanh phân bón	Kinh doanh hàng hóa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	276.228.079.283	59.415.085.000	84.990.815.000	420.633.979.283
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(249.440.344.682)	(57.996.040.533)	(82.395.748.950)	(389.832.134.165)
Chi phí hoạt động bộ phận	(13.832.582.742)	(854.757.805)	-	(14.687.340.547)
Chi phí tài chính	(984.301.243)	-	-	(984.301.243)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	11.970.850.616	564.286.662	2.595.066.050	15.130.203.328
Chi phí hoạt động chung				(6.178.463.692)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.553.968.302
Lợi nhuận khác				49.881.430
Lợi nhuận trước thuế				10.555.589.368
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.415.196.175)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.140.393.193
Năm trước	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất, gia công và kinh doanh phân bón	Kinh doanh hàng hóa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	257.394.584.432	30.241.432.000	82.594.218.000	370.230.234.432
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(229.301.914.595)	(29.749.540.703)	(80.691.664.600)	(339.743.119.898)
Chi phí hoạt động bộ phận	(12.830.062.421)	(785.134.654)	-	(13.615.197.075)
Chi phí tài chính	(594.041.105)	-	-	(594.041.105)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	14.668.566.311	(293.243.357)	1.902.553.400	16.277.876.354
Chi phí hoạt động chung				(7.388.550.293)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.587.992.730
Lãi khác				(8.106.515)
Lợi nhuận trước thuế				10.469.212.276
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.329.818.159)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.139.394.117

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Bảng cân đối kế toán theo bộ phận:

Số cuối năm	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất, gia công và kinh doanh phân bón	Kinh doanh hàng hóa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	76.647.002.076	18.791.720.304	-	95.438.722.380
Tài sản không phân bổ				36.462.981.202
Tổng cộng tài sản				131.901.703.582
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	44.497.816.998	5.373.289.198	-	49.871.106.196
Nợ phải trả không phân bổ				12.012.311.438
Tổng cộng nợ phải trả				61.883.417.634
Số đầu năm	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất, gia công và kinh doanh phân bón	Kinh doanh hàng hóa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	38.653.146.883	10.700.943.070	15.750.000.000	65.104.089.953
Tài sản không phân bổ				87.209.933.392
Tổng cộng tài sản				152.314.023.345
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	42.454.118.066	366.427.890	15.787.500.000	58.608.045.956
Nợ phải trả không phân bổ				24.961.417.211
Tổng cộng nợ phải trả				83.569.463.167

22. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán bao bì	286.756.054.783	271.423.412.016
Doanh thu bán phân bón	132.849.575.000	97.267.252.000
Doanh thu gia công	1.040.510.000	1.565.180.000
	420.646.139.783	370.255.844.016
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	12.160.500	23.200.000
Hàng bán trả lại	-	2.409.584
	12.160.500	25.609.584
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 31)	372.472.394.303	266.703.364.282

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của bao bì đã bán	257.511.093.632	239.699.947.942
Giá vốn của phân bón đã bán	131.799.689.737	98.720.418.486
Giá vốn giá công	521.350.796	1.654.600.282
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(331.846.812)
	389.832.134.165	339.743.119.898

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	246.119.662.067	208.559.582.944
Chi phí nhân công	35.043.393.319	38.837.865.230
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8.162.064.189	6.322.153.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.421.421.521	23.856.512.513
Chi phí khác bằng tiền	11.562.072.696	9.911.482.637
	327.308.613.792	287.487.596.787

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	951.610.729	1.041.100.017
Chiết khấu thanh toán được hưởng	601.879.300	545.607.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	478.273	1.285.213
	1.553.968.302	1.587.992.730

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thuê tài sản thuê tài chính	693.354.256	218.444.242
Lãi tiền vay	290.850.040	375.046.319
Lỗ chênh lệch tỷ giá	96.947	550.544
	984.301.243	594.041.105

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	5.576.864.699	6.095.475.200
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.043.531.790	972.459.681
Thuế, phí và lệ phí	273.000.985	145.186.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.020.824.097	2.881.937.374
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.155.857.568	4.485.757.719
	14.070.079.139	14.580.816.230
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.761.079.383	1.751.630.832
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	123.281.806	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.012.763.553	2.950.207.687
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.898.600.358	1.721.092.619
	6.795.725.100	6.422.931.138

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.248.567.547	2.240.910.364
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	166.628.628	88.907.795
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.415.196.175	2.329.818.159

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	10.555.589.368	10.469.212.276
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	687.248.367	735.339.542
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.242.837.735	11.204.551.818
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	11.242.837.735	11.204.551.818
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.248.567.547	2.240.910.364

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.140.393.193	8.139.394.117
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (i)	(1.628.078.639)	(1.887.078.823)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	6.512.314.554	6.252.315.294
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	4.799.516	4.799.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.357	1.303

- (i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 ước tính theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 22 tháng 5 năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi như trình bày tại Thuyết minh số 18.

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.139.394.117	8.139.394.117
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.627.878.823)	(1.887.078.823)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.511.515.294	6.252.315.294
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	4.799.516	4.799.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.357	1.303

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 39.173,5 m² tại khu công nghiệp Trà Kha, tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau) với giá thuê 1.953 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2011.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cam kết thuê hoạt động		
Dưới 1 năm	76.505.846	76.505.846
Từ 1 năm đến 5 năm	306.023.382	306.023.382
Trên 5 năm	2.325.777.703	2.402.283.549
Cộng	2.708.306.931	2.784.812.777

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (trước đây là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)	Công ty mẹ
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	309.990.017.253	266.475.358.632
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	58.687.500.000	-
Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt	3.794.877.050	228.005.650
	372.472.394.303	266.703.364.282
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.081.791.950	2.204.250.300
	2.081.791.950	2.204.250.300
Mua hàng		
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	17.224.260.471	1.941.851.852
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	232.604.862	323.604.450
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	104.692.123	331.949.667
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu khí Việt Nam	6.022.080	14.855.400
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu Khí Tây Nam Bộ	-	71.840.500.000
	17.567.579.536	74.452.761.369

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt	-	247.686.102
	-	247.686.102
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	24.296.075.251	31.978.740.750
Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt	376.612.650	-
	24.672.687.901	31.978.740.750
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.866.617.209	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu khí Việt Nam	-	1.549.800
	3.866.617.209	1.549.800
Ứng trước cho người bán		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	66.526.121	176.452.850
	66.526.121	176.452.850
	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	907.216.667	624.220.109
Ông Lê Đăng Thạch (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2025)	536.640.000	-
Ông Nguyễn Đức Thuận (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2025)	39.666.667	293.309.235
Bà Huỳnh Thị Hương Lan (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2025)	78.570.001	-
Ông Trần Thiên Hồng (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2025)	31.733.333	110.303.625
Bà Trần Như Quỳnh	110.303.333	110.303.625
Ông Đỗ Thành Hưng	110.303.333	64.343.780
Ông Đinh Nhật Dương (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024)	-	45.959.844
Ban Giám đốc	1.489.141.004	1.526.778.292
Ông Nguyễn Trung Kiên	928.213.127	962.957.443
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	560.927.877	563.820.849
Ban kiểm soát	680.341.964	668.129.214
Ông Lê Cảnh Khánh	540.841.964	528.627.572
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	69.750.000	69.750.821
Bà Nguyễn Hoài Phương	69.750.000	69.750.821
Kế toán trưởng	387.331.359	266.662.386
Ông Trần Minh Nhất	387.331.359	266.662.386
	3.464.030.994	3.085.790.001

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm đã bao gồm khoản tạm ứng 195.700.000 VND để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 không bao gồm mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán là 387.306.944 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 2.138.160.000 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.911.059.244 VND), là số tiền liên quan đến hoạt động thuê tài chính phát sinh trong năm.



Hà Ngọc Duyên
Người lập biểu



Trần Minh Nhất
Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

